

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 91

Thiên thứ 89: THỌ TRAI

Thiên này có 2 phần: Thuật ý và Dẫn chứng.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý

Rằng sở dĩ Chánh pháp lưu truyền khắp nơi, quý trọng thuộc về kinh pháp tôn kính, sở dĩ phước điền tăng lên tốt đẹp, công lao nhờ vào giữ gìn trai giới. Vì vậy bố thí cung cấp một bữa ăn, phước thiện tiếp nối lương thực khác, giúp cho người khác một đồng tiền, cảm quả vượt trên báo cõi trời. Vì lẽ đó phước điền đáng coi trọng, tiền của đáng coi khinh, cùng xây dựng pháp hội vô giá, cùng làm nên phước thiện vô hạn.

Phần thứ hai: DẪN CHỨNG

Như trong kinh Cựu Tập Thí Dụ nói: “Xưa có bốn dòng họ thỉnh cầu Đức Phật thọ trai cúng dường. Lúc ấy có một người bán sữa trâu, người họ lớn giữ lại ăn cơm, bày cho trì trai-thọ giới-nghe kinh rồi mới quay về. Người vợ nói: Tôi từ sáng đến giờ chờ đợi nhau chưa ăn cơm. Liền ép buộc khiến cho người chồng ăn cơm, làm hỏng ý trai tịnh của người ấy. Tuy là như vậy mà bảy lần sanh lên cõi trời- bảy lần sanh giữa thế gian. Sư nói: Trì trai một ngày có sáu mươi vạn năm dư thừa lương thực. Lại có năm phước thiện: 1- Ít bệnh tật; 2- Thân yên ổn; 3- Ít nảy sinh ý dâm; 4- Ít nằm ngủ; 5- Được sanh lên cõi trời, thường biết được việc đã làm của những đời trước.

Còn vua Ba Tư Nặc muốn tặng chổi ngọc thơm ngát cho Phu nhân Mạt Lợi, gọi ra ngoài cung để nhìn. Phu nhân vào ngày trai mặc quần áo trắng mà đi ra, ở giữa 6 vạn Phu nhân, sáng ngời như mặt trăng – mặt trời, đẹp đẽ gấp bội so với thường ngày. Ý nhà vua có vẻ sợ hãi, dường như cung kính hỏi rằng: Có đạo đức gì mà đẹp đẽ rực rỡ có phần kỳ lạ như vậy? Phu nhân trình bày với nhà vua: Tự nghĩ rằng kém phước mà nhận lấy thân nữ này, tình cảm biểu lộ trên nét mặt dơ bẩn, mạng sống

ngăn ngủi trong ngày đêm, sợ rơi vào ba nẻo tăm tối khổ đau, vì vậy hằng tháng giữ gìn trai pháp của Phật tôn kính, cắt bỏ tình ái thuận theo đạo pháp, đời đời được nhờ phước thiện, nguyện đem chuỗi ngọc thơm ngát dâng lên cúng dường Đức Thế Tôn!”

Còn trong kinh Trung A Hàm nói: “Lúc bấy giờ mẹ của Lộc Tử là Tỳ Xá Khư, sáng sớm tắm gội mặc áo quần sạch sẽ, dẫn con trai-con dâu cùng với quyến thuộc, đi đến nơi Đức Phật, cúi rạp đầu làm lễ, thưa với Đức Thế Tôn rằng: Nay con trì trai tu thiện. Đức Thế Tôn hỏi rằng: Nay vị cư sĩ, nay cô trì trai thuộc loại như thế nào đây? Trai có ba loại. Thế nào là ba loại? Đó là: 1- Trai pháp của người chăn trâu; 2- Trai pháp của ngoại đạo Ni Kiền; 3- Trai pháp của tám chi Thánh đạo. Thế nào gọi là trai pháp của người chăn trâu? Như người chăn trâu, sáng sớm thả trâu trong ao đầm, xế chiều tập trung lại trở về thôn xóm. Lúc người ấy trở về thôn xóm, dấy lên nghĩ như vậy: Hôm nay mình thả trâu ở nơi này, ngày mai nên thả trâu ở chỗ kia; hôm nay mình cho trâu uống nước ở nơi này, ngày mai nên cho trâu uống nước ở chỗ kia; hôm nay trâu của mình dừng lại nghỉ ngơi ở nơi này, ngày mai nên cho trâu dừng lại nghỉ ngơi ở chỗ khác. Như vậy có người, nếu lúc trì trai, dấy lên suy nghĩ rằng: Hôm nay mình ăn thức ăn như vậy, ngày mai nên ăn thức ăn như thế; hôm nay mình uống thức uống như vậy, ngày mai nên uống thức uống như thế; hôm nay mình mỉm cười với cách mỉm cười như vậy, ngày mai nên mỉm cười với cách mỉm cười như thế. Người ấy ở trong một ngày đêm như vậy vui thích bám vào những ham muốn đi qua, đó gọi là trai pháp của người chăn trâu. Nếu trì trai như vậy, thì không thu được lợi ích to lớn, không đạt được kết quả to lớn, không có công đức to lớn, không có thể ban bố rộng ra. Thế nào gọi là trai pháp của ngoại đạo Ni Kiền? Như hạng Ni Kiền xuất gia, họ khuyên nhủ mọi người rằng: Ông đi về phía Đông vượt ra ngoài một trăm do tuần, có những chúng sanh, vây quanh bảo vệ ông, vất bỏ mọi thứ gạo gậy. Như vậy phía Nam-tây-bắc cũng như thế. Hoặc cởi bỏ quần áo lụa lố hình hài, ta không có cha mẹ vợ con, khuyên nhủ tiến lên nói lời hư vọng, lấy làm chân đế. Hoặc cố chấp khổ hạnh, tự giam đói mình và các tà pháp kỳ dị..., đó gọi là trai pháp của ngoại đạo Ni Kiền. Nếu trì trai như vậy, thì cũng không thu được lợi ích to lớn, không đạt được quả to lớn, không có công đức to lớn, không có thể ban bố rộng ra. Thế nào gọi là trai pháp của tám chi Thánh đạo? Đệ tử đa văn của bậc Thánh, nếu lúc trì trai dấy lên tư duy rằng: Người chân thật là bậc A la ha, suốt cả cuộc đời, lia xa sát sanh-đoạn tuyệt sát sanh vất bỏ tất cả dao gậy, có lòng hổ thẹn, có tâm Từ

Bi, làm lợi ích cho tất cả, thậm chí loài côn trùng bé nhỏ, đối với nghiệp sát giữ tâm luôn thanh tịnh; cho đến suốt cả cuộc đời, lìa xa ăn phi thời-đoạn tuyệt ăn phi thời, ăn một lần-không ăn đêm-vui với bữa ăn đúng thời. Ta dùng Chi pháp này đối với các bậc A la ha giống nhau không hề sai khác, vì vậy cho nên nói là trai. Họ trú trong trai pháp của tám chi Thánh đạo này rồi, hướng lên phía trên nên nhớ nghĩ đến mười tôn hiệu không có gì đả trước của Như Lai, là pháp xuất thế thanh tịnh, xa rời pháp bất thiện xấu ác uế tạp nhiễm ô, đó gọi là trai pháp của tám chi Thánh đạo. Nếu chúng tánh là người nữ, trì trai pháp của tám chi Thánh đạo này, đến lúc thân mạng hủy hoại kết thực thì được sanh lên 6 cõi trời Dục, tương lai đạt được 4 quả Sa môn.”

Còn trong Luật Tăng Kỳ nói: “Đức Phật trú tại thành Xá vệ, phía Nam có thôn ấp tên gọi Đại Lâm. Lúc ấy có người buôn, xua tám con trâu đến phía bắc nước Câu Đà, có một người buôn cùng thả trâu ở trong đầm. Lúc ấy có người tên Ly Xa bắt rông mà ăn thịt, bắt được một Long nữ, Long nữ thọ pháp Bố tát không có tâm làm hại, nhưng Ly Xa xấu hổ mũi kéo đi. Người buôn trông thấy, liền khởi tâm Từ, hỏi Ly Xa rằng: Ông kéo con rông này muốn làm những điều gì? Đáp rằng: Ta muốn giết để ăn thịt. Người buôn nói: Đừng giết, tôi đưa cho ông một con trâu để đổi lấy con rông. Người bắt rông không đồng ý. Cho đến tám con trâu, mới nói: Thịt này ngon lắm, nay vì ông cho nên ta sẽ thả con rông. Lúc ấy người buôn thả Long nữ đi ra rồi, tự mình nghĩ rằng: Đây là người ác, sợ rằng lại truy đuổi nên bắt đầu lấy thêm lần nữa, thả trong hồ khác theo mình để chăm sóc. Con rông biến thành người, nói với người buôn rằng: Người nhân ái cho tôi mạng sống, nay muốn báo ân, có thể cùng tôi đi vào trong cung, sẽ đền đáp ân đức người nhân ái. Người buôn đáp rằng: Tánh loài rông thẳng thắn nóng nảy, giận dữ không bình thường, chắc là có thể giết tôi. Rông hóa người đáp rằng: Không phải vậy đâu, người trước đây bắt giữ tôi, sức tôi có thể giết chết người ấy, nhưng bởi vì thọ pháp Bố tát, cũng không có tâm giết hại, huống là nay người nhân ái cho tôi mạng sống, mà lại làm hại hay sao? Nếu như không đi, thì dừng lại giữa chốn này một lát, tôi sắp đặt trước. Thế là nhanh nhẹn đi vào. Sau đó tiến vào trong cung thấy bên cổng cung rông, có hai con rông buộc vào một chỗ, người buôn hỏi rằng: Ông vì chuyện gì mà bị trói vậy? Đáp rằng: Long nữ này trong nửa tháng có ba ngày thọ trai pháp, anh em tôi bảo vệ Long nữ này, vì không vững vàng, đã bị ly Xa bắt được, vì vậy mà bị trói, chỉ cầu mong lòng Từ bao la nói giúp khiến tha cho chúng tôi! Long nữ sắp đặt xong liền gọi đi

vào cung, ngồi trên giường quý báu. Long nữ thưa rằng: Trong loài rồng có thức ăn có thể đến hết tuổi thọ mới tiêu, có loại 20 năm mới tiêu, có loại bảy năm mới tiêu, có loại là thức ăn của người cõi Diêm Phù Đề, không biết người nhân ái nay muốn ăn loại thức ăn nào? Đáp rằng: Muốn sử dụng thức ăn của cõi Diêm Phù Đề. Lập tức mang ra các loại đồ ăn thức uống mời mọc. Người buôn hỏi Long nữ rằng: Hai con rồng này vì sao bị trói? Long nữ nói: Hai con rồng này có lỗi lầm, tôi muốn giết chúng. Người buôn nói: Long nữ đừng giết. Long nữ nói: Không thể như vậy, cần phải giết chúng. Người buôn nói: Long nữ tha cho họ thì tôi sẽ ăn thôi. Long nữ trình bày rằng: Không thể nào cứ mãi tha cho chúng như vậy, phải phạt chúng sáu tháng bị bỏ rơi ở chốn nhân gian. Người buôn thấy trong cung rồng, đủ loại vật báu trang nghiêm cung điện, người buôn liền hỏi rằng: Long nữ có sử dụng đồ vật trang nghiêm như vậy thì thọ pháp Bồ tát làm gì? Đáp rằng: Pháp của loài rồng chúng tôi có năm điều đau khổ. Những gì là năm điều? Đó là lúc sinh-lúc ngủ-lúc dâm-lúc giận-lúc chết, trong một ngày ba lần da thịt rơi xuống đất, cát nóng dính sát vào thân cháy bỏng. Lại hỏi: Long nữ mong cầu những điều gì? Đáp rằng: Sinh trong loài người, bởi vì trong loài súc sanh đau khổ là do không biết giáo pháp, muốn đến nơi Đức Thế Tôn cầu xin xuất gia. Long nữ liền đưa cho tám chiếc bình bằng vàng, nói cho biết rằng: Vàng này đủ để cha mẹ và quyến thuộc của ông sử dụng suốt đời không hết. Nói với người buôn rằng: Ông nhắm mắt lại. Liền dùng thần biến mang đặt vào đất nước của người buôn. Người buôn lấy tám chiếc bình bằng vàng mang đưa cho cha mẹ, nói rằng: Đây là vàng của loài rồng, cất rồi lại sinh ra, sử dụng suốt đời, không lúc nào hết được.” (Suy nghĩ đến lòng Nhân Từ thì không thể nào không thực hành, tạm thời cứu Long nữ mà ân đáp lại càng sâu, huống là trì trai rộng lớn mà thọ phước lẽ nào nhỏ bé ư?)

Còn trong kinh Bồ Tát Thọ Trai nói: “Con tự quy y Phật-tự quy y Pháp-tự quy y Tỳ kheo Tăng.

Thân con đã làm điều ác, miệng con đã nói lời ác, ý con đã nghĩ điều ác, nay đã trừ bỏ, bao nhiêu ngày-bao nhiêu đêm, thọ trai pháp Bồ Tát, tự quy y Bồ Tát?

Đức Phật bảo với Tu Bồ Đề: Ngày trai của Bồ Tát có mười giới. Đó là: Thứ nhất, Bồ Tát vào ngày trai không được trang điểm son phấn-thoa ướp hương hoa. Thứ hai, Bồ Tát vào ngày trai không được ca múa-gõ trống-đánh đàn trang sức bằng các thứ âm nhạc, thứ ba, Bồ Tát vào ngày trai không được nằm trên giường cao. Thứ tư, Bồ Tát vào ngày

trai quá Ngọ về sau không được ăn nữa. Thứ năm, Bồ Tát vào ngày trai không được cầm dao gươm-vàng bạc châu báu. Thứ sáu, Bồ Tát vào ngày trai không được ngồi trên xe trâu-xe ngựa. Thứ bảy, Bồ Tát vào ngày trai không được đánh con cái-tôi tớ-súc sanh. Thứ tám, Bồ Tát vào ngày trai đều trì trai này thuận theo phần Đàn bố thí cảm được phước. Bồ Tát vào ngày trai bỏ thời gian nằm ngủ, ở trước hình tượng Đức Phật chấp tay nói: Hôm nay tất cả mười phương, nơi nào có người trì trai giới-thực hành Lục độ, con đều giúp cho họ được vô lượng an lành, khuyến khích giúp cho hoan hỷ với phước thiện bố thí; tất cả mọi người và loài phi nhân khắp mười phương đang ở nơi tai ách hoạn nạn chịu khó chịu khổ, đều khiến cho cảm được phước thiện thoát khỏi mọi sự lo sợ khổ nhọc, sanh ra làm người yên ổn gặp nhiều niềm vui vô bờ bến. Thứ chín, Bồ Tát vào ngày trai không được ăn uống hết mọi thứ trong đồ đựng. Thứ mười, Bồ Tát vào ngày trai không được cùng với người nữ sánh đôi với nhau đùa ngồi chung chỗ ngồi, người nữ cũng như vậy. Đó là mười giới không được phạm, không được bày cho người khác phạm, cũng không được khuyến khích người khác phạm.

Lúc Bồ Tát giải trai pháp nói: Nam mô Phật-nam mô Pháp-Nam mô Tỳ kheo Tăng, con bao nhiêu ngày-bao nhiêu đêm trì trai của Bồ Tát, thuận theo phần Đàn bố thí sẽ đạt được Lục độ Ba la mật, như 6 vạn pháp Bồ Tát của các Bồ Tát. Ngày trai vào ban đêm chia thành 3 phần, một phần thiền-một phần tụng kinh-một phần nằm ngủ, đó là pháp trong ngày trai của Bồ Tát.

Bắt đầu từ ngày 14 tháng Giêng thọ trì đến ngày 17 thì giải trai.

Bắt đầu từ ngày mồng 8 tháng Tư thọ trì đến ngày 15 thì giải trai.

Bắt đầu từ ngày mồng 1 tháng Bảy thọ trì đến ngày 16 thì giải trai.

Bắt đầu từ ngày 14 tháng Chín thọ trì đến ngày 16 thì giải trai.”

Lời bàn: Đã thọ trai rồi, nếu muốn giải trai thì cần phải đợi đến lúc tướng sáng tỏ xuất hiện mới được ăn cháo, nếu không như vậy thì phá trai. Sao gọi là tướng sáng tỏ? Như luận Tát Bà Đa nói: “Tướng sáng tỏ có ba loại màu sắc.. nếu mặt trời chiếu vào thân cây ở cõi Diêm Phù Đề, thì có màu đen. Nếu chiếu vào lá cây, thì có màu xanh. Nếu vượt qua lá và thân cây, thì có màu trắng.” Ở trong ba màu sắc thì màu trắng là chủ yếu, mới được giải trai và ăn cháo vậy.

Tụng rằng:

Hằng tháng kiến lập trai rõ ràng,

Ngày tốt tiếp nối không giới hạn,
 Bốn bộ theo thời gian quy tụ,
 Bảy chúng đúng lúc lên điện Phật.
 Tiêu điều cử Phạm âm trong trẻo,
 Ai oán làm lay động Cung-Thương,
 Mùi hương ngào ngạt tỏa trên không,
 Theo gió nhẹ tản khắp phương xa.
 Ca ngợi đức tìm hiểu sâu xa,
 Lời phân rõ thông suốt ngàn kiếp,
 Diệt phiền não trình cầu vi diệu,
 Đến lúc mở ra chương đẹp đẽ.
 Tại gia-xuất gia nương tựa nhau,
 Tài thí-pháp thí tỏa sáng ngời,
 Phước điền đêm nay thêm tròn vẹn,
 Ân huệ truyền người còn-kẻ mất.

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 4 chuyện: 1- Sa môn Pháp Hiển thời Đông Tấn; 2- Sa môn Tăng Già Đạt Đa thời Tống; 3- Cư sĩ Quách Thuên thời Tống; 4- Sa môn Bảo Công thời Cao Tề.

1. Thời Đông Tấn ở vùng Từ Châu có chùa Ngô, Thái Tử suy nghĩ pho tượng ấy là do Sa môn Pháp Hiển thời nhà Tấn trước kia, khí tiết hăng hái đi qua những Thánh tích ở Tây Thiên, tìm vào một ngôi chùa, lớn nhỏ gặp đều đón tiếp. Lúc ấy Pháp Hiển gặp phải bệnh tật, chủ nhân là hàng Thượng tọa tự mình làm mọi công việc, bảo Sa đi kiếm thức ăn chay ở quê mình cho khách Tăng. Bỗng nhiên trở về, chân có vết máu, nói là đến nhà Ngô Thương Ứng ở Bánh Thành xin thức ăn, đã bị chó cắn. Pháp Hiển cảm thấy quái lạ vì trong chốc lát mà đi ngoài mấy vạn dặm, mới hiểu rằng Tăng trong chùa, đều không phải là người bình thường. Sau theo thuyền trở về nước, cố tình đến Bành Thành tìm hỏi gặp được Ngô Thương Ứng, hỏi đầy đủ tình huống ấy. Đáp rằng có chuyện này, liền chỉ vào nơi còn lại vết máu bôi trên cửa, pháp Hiển nói: Đây là máu của Thánh nhân La Hán, lúc ấy xem như là kiến thức ăn mà thôi, sao lại bị làm hại là thế nào? Thương Ứng nghe xấu hổ sợ hãi, liền xả bỏ nhà cửa làm thành chùa, tự mình đi đến Dương Đô cầu tìm các kinh tượng. Trong lúc đang vượt qua sông, thuyền liền nghiêng về một bên, bỗng nhiên có hai ống xương đều dài một trượng, đập dềnh trôi theo sóng nước, kẹp vào giữa thuyền, lập tức được yên ổn chuyển lên bờ. Để sự việc trình bày, nghe biết chính là răng của rồng. Thương

Ứng tìm cầu kinh tượng chưa được, ngược sông lên phía tây, tạm thời dừng nghỉ giữa rừng, gặp được Bà la môn Tăng mang pho tượng này đi đến nói: Muốn đi đến Từ Châu cúng dường cho Ngô Thương Ứng. Thương Ứng nói: Chắc chắn Như Lai nói chính, là đệ tử vậy. Liên giao cho pho tượng mang trở về đến kinh đô, nói cho biết để mê phỏng làm ra mười pho tượng, đều cho khắc dấu dưới chân, mà mọi người không có ai phân rõ mới hay cũ, tùy ý Thương Ứng chọn lấy. Pho tượng lại báo mộng, chỉ rõ hình tướng vốn có, chọn lấy đúng thì được mang về. Pho tượng từ phía Đông mang về Từ Châu, đã từng phát ra ánh sáng kỳ lạ. Thời Nguyên Ngụy Hiếu Văn Đế thỉnh vào Bắc Đài. Đến thời gian sau Cao tề làm chủ sai sứ giả Thường Bưu Chi đón trở về Nghiệp Hạ. Nhà Tề diệt vong nhà Chu bãi bỏ Phật giáo, pho tượng được Tăng cất giấu tránh mọi tai họa. Đại Tùy khôi phục Phật giáo thì pho tượng lại tiếp tục phát ra ánh sáng. Nay thuộc về chùa Đại Từ ở Tương Châu.

(Chuyện trên đây thấy trong Tấn Sử Tạp Lục).

2. Thời nhà Tống trong chùa Đạo Lâm ở chốn Kinh Sư có Sa môn Tăng Già Đạt Đa- Tăng Già La Đa..., đều thông hiểu nhiều kinh luận, chỉ lấy thiền định tư duy làm sự nghiệp. Vào đầu thời Tống Nguyên Gia, đi đến nước Tống, Đạt Đa thường ở trong núi ngòi thiền, giờ ăn hàng ngày sắp đến, nghĩ rằng sắp thọ trai, thế là có bầy chim ngậm trái quả bay đến trao cho. Đạt Đa tư duy: Xưa kia vược khỉ dâng bát mật, Đức Phật cũng đón nhận mà sử dụng, nay chim bay đến trao cho thức ăn, vì sao không có thể sử dụng? Thế là đón nhận mà ăn.

(Chuyện trên đây trích từ Lương Cao Tăng Truyện.)

3. Thời nhà Tống ở vùng Thuận Dương có Quách Thuyên tự là Trọng Hành, làm Thứ sử Ích Châu thuộc nhà Tấn. Sau khi qua đời hơn ba mươi năm, vào năm thứ 8 thời Tống nguyên Gia, bỗng nhiên hiện hình, đến nhà con rể là Lưu Ngưng ở Nam Dương, xe cộ tùy tùng rất long trọng, nói với Lưu Ngưng rằng: Kể tôi tớ có điều trách móc, có thể được coi là tiến hành trai hội cúng dường 30 vị Tăng, sẽ được miễn trừ. Nói xong không thấy nữa. Lưu Ngưng nói là yêu ma quỷ quái, không hề để ý. Đêm sau Quách Thuyên lại cho con gái mộng thấy nói rằng: Cha có điều bị trách phạt, đã nói cho chồng của con biết để lo liệu pháp hội giúp cha, sao không hề thấy thương hại chút nào cả? Con gái sáng sớm thức dậy thấy Quách Thuyên từ cửa đi qua giận dữ nói: Cuối cùng không thể nào cứu giúp nhau, nay đành phải chịu tội. Con gái kêu gọi vùng dậy giữ lại, hỏi nên tổ chức trai hội ở đâu? Đáp rằng: Có thể trở về nhà của cha. Bỗng nhiên lại biến dạng. Lưu Ngưng lập tức lo liệu đồ

cúng thật vôi vàng. Trai hội hết thức, có người xưng là Thuyên Tín nói cho Lưu Ngưng tự mình nghe rằng: Cảm được ân huệ sâu dày của ông nay sự việc mới tha thứ. Nói xong mất dạng. Thế là sau đó vắng bật.

(Chuyện trên đây trích từ Minh Tướng Ký Lục).

4. Đầu thời Cao Tề có Sa môn Bảo Công, là Cao Thế Sĩ ở Tung Sơn. Sáng sớm từ trong rừng nghĩ rằng đi đến núi Bạch Lộc, bởi vì lạc đường, mặt trời sắp lặn, bỗng nghe tiếng chuông bèn tìm theo âm vang mà tiến về phía trước. Núi cao lớp lớp ngăn trở leo lên cao mà hướng về, mới trông thấy một ngôi chùa đơn độc dựa vào rừng sâu, ba cổng nằm hướng chính Nam to lớn rực rỡ. Tiến về phía trước đến nơi cổng, thấy bức hoành đề chữ Linh Ẩn Tự. Ngoài cổng chùa có năm-sáu con chó, thân hình to lớn bằng con trâu, lông trắng mỏng đen, có con nhảy lên-có con nằm im, đưa mắt liếc nhìn Bảo Công. Bảo Công sợ hãi sắp quay lui, chốc có vị Tăng người Hồ từ bên ngoài đi đến, Bảo Công gọi không đáp lại, cũng không quay đầu lui, đi thẳng vào trong cổng, con chó cũng theo vào. Rất lâu Bảo Công thấy không có người, dần dần đi vào cổng tiếp theo, nhà cửa bốn phía, cửa phòng đều đóng kín. Tiến lên đến giảng đường, chỉ thấy giường ghế tòa cao trang nghiêm. Bảo Công đi vào ngồi trên chiếc giường góc Tây Nam, lâu sau bỗng nhiên nghe giữa nóc nhà có tiếng vang, ngược lên nhìn thấy mở ra lỗ hổng giống như cái giếng lớn, các Tỳ kheo trước sau từ lỗ hổng bay xuống, có đến 50-60 người, theo vị trí ngồi vào xong, tự hỏi han nhau rằng: Giờ thọ trai hôm nay đến ăn cơm nơi nào? Có người nói ở Dự Chương-Thành Đô-Trường An-Lũng Thạch-Kế Bắc-Lĩnh Nam-Ngũ Thiên Trúc..., không có nơi nào không đến, động một tí thì đã hơn ngàn vạn dặm. Cuối cùng một vị Tăng từ không trung hạ xuống, mọi người lại tranh nhau hỏi: Sao đến muộn quá vậy? Đáp rằng: Hôm nay chùa Bỉ Ngạn ở phía Đông thành Tương Châu có Giám Thiên Sư giảng hội, tất cả đều đưa ra nghĩa lý, có nhiều người trẻ tuổi thông minh tài trí chất vấn, lời lẽ tôn chỉ đưa ra sắc bén thật là đáng xem, không bao lâu thì đã muộn nên phải đến trễ. Bảo Công vốn thờ Giám Thiên Sư làm Hòa thượng, đã nghe nói như vậy, mong là có thể tìm hiểu trò chuyện, hy vọng mở rộng tâm tư thuận hướng lên cao, bèn sửa lại y phục đứng lên, trả lời các vị Tăng rằng: Giám Thiên Sư thật sự là Hòa thượng của tôi. Các vị Tăng nhìn thẳng về trước, bỗng nhiên chùa chiền nhà cửa ẩn mất, một mình ngồi trên tảng đá dưới tán cây Sơn Tra, chùa chiền trước đây không còn thấy một chút nào, chỉ nhìn thấy hang núi, chim muông tụ tập kêu hót ồn ào thật náo loạn tâm tư. Ra ngoài đem chuyện hỏi Pháp sư Thượng Thống. Thượng

Thống nói: Tên gọi chùa này do Pháp sư Phật Đồ Trường đặt ra từ thời nhà Triệu, năm tháng trôi qua đã lâu, nơi cư trú của Thánh Hiền chứ không phải là nơi ở của phàm phu, có lúc hiện ra-có lúc ẩn đi, chuyển dời không hề nhất định. Nay người tu hành trong núi, hãy còn nghe thấy tiếng chuông vang vang.

(Chuyện này thấy trong Hầu Quân Tố Tinh Dị Ký Lục).

Thiên thứ 90: PHÁ TRAI

Thiên này có 2 phần: Thuật ý và Dẫn chứng.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý.

Suy tư buồn cho vô thường-khổ-không, nghĩ đến lo cho sanh-lão-bệnh-tử đem dài xót thương nỗi khổ treo ngược, trôi nổi xót xa chìm trong hầm sâu, ngấm lòng hết sức đau thương, cũng vô cùng đáng sợ vậy. Bởi vì phước điền nhỏ noi, tín thí khó tiêu, trai giới không bền, giống như bình đất, dễ hỏng khó giữ, lại giống sương mai, nhân-ngã càng nhiều, bám hơn keo sơn, không sợ tai ương của nhiều kiếp, chỉ lo mạng sống của một thân. Vì lẽ đó, ăn no ngủ mãi, đâu khác gì heo-chó, phá trai ăn đêm khuya, không khác gì loài quỷ. Vì thế cho nên thí chủ mất đi phước thiện vun trồng, chúng Tăng giảm bớt chủng loại ruộng tốt.

Phần thứ hai: DẪN CHỨNG

Như kinh Xá-lợi-phất Vấn nói: “Xá-lợi-phất thưa với Đức Phật rằng: Có những đàn việt xây dựng già lam cúng dường chúng Tăng, sắp xếp chu đáo cung cấp tiền của giúp Tăng đi lại thuận tiện; có người tựa như Tăng xuất gia, trái thời đến nơi Tăng trông coi việc ăn uống lấy thức ăn, thì người đưa cho thức ăn và người ăn mang lấy tội lỗi như thế nào? Những đàn việt đã cung cấp ấy cảm được phước thiện như thế nào? Đức Phật dạy: Người ăn trái thời, là người phá giới, là người phạm tội ăn cắp. Người cho trái thời, cũng là người phá giới, cũng là người phạm tội ăn cắp vật của đàn việt, là không cho mà lấy, trái với ý của thí chủ; thí chủ không có phước, bởi vì vật bị mất, nhưng hãy còn có thiện nghiệp phát tâm sắp xếp cung cấp. Xá-lợi-phất thưa: Nhận đúng thời-ăn đúng thời, ăn không hết thì trái thời ăn lại; hoặc có lúc nhận đúng thời, đến lúc trái thời mà ăn, có cảm được phước hay không? Đức Phật dạy: Ăn đúng thời thanh tịnh thì chính là phước điền, thì chính là xuất gia, thì chính là Tăng già, thì chính là bạn tốt của trời người, thì chính là bậc

thầy dẫn dắt của thời người. Có người ăn không thanh tịnh, giống như là phá giới, là hạng trộm cướp lớn, đó chính là nạ quý, là sáo huyết của tội lỗi. Người xin trái thời, mà đúng thời-trái thời nhất định là cho, thì người cho thức ăn, đều gọi là giám sát đạo, đó gọi là ác ma, đó gọi là ba ác đạo, đó gọi là hồng phạm hạnh, đó gọi là người mắc bệnh ghê lở, bởi vì phá hồng thiện quả, xin ăn trộm cắp tự nuôi sống thân mạng. Vì thế cho nên những Bà la môn không ăn trái thời, Phạm Chí ngoại đạo cũng không ăn bằng tà mạng, huống là đệ tử của Ta biết rõ pháp-thực hành pháp mà làm như vậy? Tất cả những như vậy, không phải là đệ tử của Ta, mà chính là người trộm cắp giáo pháp lợi ích của Ta đặt vào nơi không có phép tắc, đó gọi là người trộm cắp ăn uống không hợp phép tắc. Trộm đưa cho-trộm nhận lấy, một nắm-một nhúm-chút muối-chút giấm, chết đều rơi vào địa ngục cháy khô gan ruột nuốt viên sắt nóng, từ địa ngục thoát ra sanh vào trong loài heo chó ăn những thứ bất tịnh, lại sanh làm loài chim dữ tợn, mọi người đều oán trách tiếng kêu của chúng. Sau sanh làm nạ quý, trở về trong già lam, ở trong nhà xí ăn toàn phân dơ cặn bã rác rưởi, trải qua trăm ngàn vạn năm; lại sanh trong loài người làm hạng bần cùng hạ tiện, mọi người đều ghét bỏ, không thể nào nói hết được, mọi người không tin tưởng sử dụng, không giống như trộm cắp đồ vật của người, tội lỗi ấy hãy còn nhẹ. Bởi vì chiếm đoạt của nhiều người, làm hại đến phước điền tốt đẹp, cho nên đoạn tuyệt đạo lý xuất thế diệu kỳ.”

Còn trong kinh Kiên Đà Quốc Vương nói: “Thời Đức Phật tại thế, lúc ấy có Quốc Vương, hiệu gọi là Kiên Đà, phụng thờ Bà la môn. Bà la môn sống ở trong núi, trồng nhiều cây ăn quả. Lúc ấy có người hái củi nghèo túng phá hoại cây ăn quả trồng nơi ấy, Bà la môn bắt được, liền mang đến nơi nhà vua, nói rằng: Người này vô cớ phá hoại làm hỏng cây ăn quả của tôi, nhà vua nên trị tội chết. Nhà vua thờ kính Bà la môn, không dám làm trái, lập tức giết chết người hái củi. Sau đó không lâu có con trâu ăn lúa mạ của người, người chủ ruộng liền đánh gãy một sừng của con trâu, máu chảy đầy mặt, đau đớn không thể nào chịu nổi. Con trâu chạy đến chỗ nhà vua thưa rằng: Tôi thật sự vô cớ ăn một ít lúa mạ của người này, mà bây giờ đánh gãy sừng của tôi. Người chủ ruộng cũng đuổi theo đến chỗ nhà vua. Nhà vua biết tiếng nói của chim thú, nhà vua nói với con trâu rằng: Ta sẽ giết chết người này cho ông. Con trâu liền trả lời rằng: Nay tuy giết chết người này nhưng cũng không có thể làm cho tôi không đau đớn, chỉ nên ban lệnh quy định sau này không ai được phép làm như vậy. Nhà vua cảm động

suy nghĩ rằng: ta thờ kính Bà la môn, chỉ bởi vì cây ăn quả bị phá hoại, mà khiến cho Ta phải giết người, không giống như con trâu này; nay theo đạo này lại không tránh khỏi sanh tử, đâu cần gì đạo này? Thế là đến nơi Đức Phật, nắm vốc sát dốt, lễ lạy Đức Phật, nguyện xin thọ trì năm giới-mười thiện. Đức Phật dạy: Bồ thí-trì giới đời hiện tại cảm được phước, nhẫn nhục-tinh tiến-nhất tâm-trí tuệ, thì phước đức ấy vô lượng, sau sanh lên cõi trời. Nhà vua ngay lúc ấy hoan hỷ đạt được quả Tu đả hoàn. A-nan thưa với Đức Phật rằng: Vị vua này cùng với con trâu vốn có nhân duyên gì? Đức Phật dạy: Chính là xưa kìa vào thời Đức Phật Câu na Hoàn Mâu Ni, nhà vua và con trâu là anh em làm Ưu bà tắc, cùng nhau thọ trì trai giới một ngày một đêm, nhà vua tuân theo pháp hành tinh tiến không dám lời lỏng, thọ mạng kết thúc sanh lên cõi trời, thọ mạng trên cõi trời hết rồi sanh xuống làm Quốc Vương. Con trâu lúc ấy ăn đêm phạm vào trai giới, sau nhận chịu tội lỗi ấy, tội lỗi kết thúc, lại làm thân trâu trong năm trăm đời, hãy còn có biết về đời trước cho nên đến khai ngộ tâm ý nhà vua, con trâu sau bảy ngày thọ mạng chấm dứt sanh lên trên cõi trời. Đức Phật dạy: Bốn chúng đệ tử thọ trì trai giới không nên vi phạm.”

Còn trong kinh Pháp Cú nói: “Đức Phật an trú trong tinh xá Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên thuộc nước Xá Vệ, thuyết pháp cho trời người rồng quỷ thần. Phía Đông có đất nước tên gọi Uất Đa La Ba Đề, có hàng Bà la môn gồm năm trăm người, dẫn nhau muốn đến bên bờ sông Hằng, có ba đền thờ thần, tắm gội trừ sạch cáu bẩn, tu pháp lỏa hình cầu Tiên, như pháp của ngoại đạo Ni Kiền. Con đường đi qua đầm lớn. Lạc hướng không thể vượt qua được, thiếu hụt lương thực giữa đường, từ xa nhìn thấy một cây lớn, như có thần khí, nghĩ rằng có người cư trú, liền băng băng chạy đến dưới tán cây, hoàn toàn không thấy gì cả. Những Bà la môn cất tiếng khóc to, đói và khát khiến cho nguy khốn, cuối cùng ắt là chết tại đầm ấy. Thọ thần hiện thân hỏi các Phạm Chí: Các Đạo sĩ từ đâu đến, nay muốn đi đến đâu? Đồng thanh đáp rằng: Muốn đến đạo thần tắm gội cầu đạo Tiên, hôm nay đói khát mong thương xót cứu giúp! Thọ thần đưa tay ra, rất nhiều đồ ăn thức uống từ bàn tay hiện ra đầy đủ, cung cấp cho mọi người ăn uống đều được thỏa mãn, đồ ăn thức uống còn lại đủ cung cấp lương thực đi đường. Lúc sắp từ biệt ra đi đến nơi Thọ Thần thưa thỉnh hỏi han: Vốn thực hành đức hạnh gì mà khiến cho to cao đồ sộ như vậy? Thọ Thần trả lời các Phạm Chí: Ta xưa kia ở tại nước Xá Vệ, lúc ấy trong nước có quan Đại thần, tên gọi là Tu Đạt, cúng dường Đức Phật và chúng Tăng, đi vào chợ mua sữa đặc, không có

người chuyển sữa đặc về, nhờ ta chuyển sữa giúp một tay; đi đến tinh xá khiến ta rót sữa, xong rồi đi lấy nước rửa trang nghiêm ngồi nghe pháp, tất cả đều hoan hỷ khen ngợi vô cùng tốt lành. Lúc ấy ta tôn trọng trai pháp, chiều tối trở về không ăn cơm, người vợ cảm thấy quái lạ hỏi Ta: Không biết oán giận điều gì? Đáp rằng: Không oán giận gì đâu, thấy Trưởng giả Tu Đạt cúng dường Đức Phật tại tinh xá, mời tôi đến thọ trì trai giới, trai pháp gọi là Bát Quan. Người vợ ùng ùng nổi giận nói rằng: Cù Đàm làm rối loạn phong tục, sao đủ để chấp nhận, ông không hủy bỏ trai giới thì tai họa tranh chấp từ đây. Nhấn nhó bức bách mãi không thôi, liền cùng nhau ăn cơm. Lúc ấy Ta vào đêm khuya coi như tuổi thọ đã hết, qua đời vào lúc nửa đêm, thần thức đến thọ sanh nơi này; bởi vì người vợ ngu si này phá hỏng trai pháp của ta, không theo nghiệp của mình mà sanh đến đăm này, làm Thọ thần ở đây. Nhờ phước chuyển sữa đặc về mà tay sinh ra các thứ đồ ăn thức uống, nếu như giữ được trai pháp thì sẽ sanh lên cõi trời, hưởng phước thiện tự nhiên. Liền vì các Phạm Chí, mà làm tụng rằng:

*Cúng tế gieo thêm gốc ai ương,
Ngày đêm nuôi lớn thêm cành lá,
Khổ đau vô ích làm hại mình,
Trai pháp độ Tiên thế gian.”*

Còn trong kinh Bách Duyệt nói: “Đức Phật an trú trong tinh xá Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên thuộc nước Xá Vệ, vào đầu đêm ấy có năm trăm Thiên tử, ôm hương cầm hoa ánh sáng rực rỡ, chiếu rọi trong từng Kỳ Hoàn, đi đến nơi Đức Phật, lễ lạy xong thì lại ngồi yên. Đức Phật thuyết pháp cho nghe đạt quả vị Tu đà hoàn, đi quanh Đức Phật ba vòng rồi trở về lại cung trời. Vào lúc sáng sớm, A-nan thưa hỏi nhân duyên chư Thiên xuất hiện. Đức Phật bảo với A-nan: Quá khứ xưa kia vào thời Phật Ca Diếp, có hai Bà la môn, đi theo Quốc Vương đến nơi Đức Phật, lễ lạy thăm hỏi cung kính. Lúc ấy trong số người tùy tùng ấy có một Ưu bà tắc, khuyên hai bà la môn cùng thọ trai pháp, một người cầu sanh cõi trời, một người cầu làm vua cõi người. Thọ rồi cùng trở về nơi các Bà la môn tụ hội. Các Bà la môn nói: Các ông đói khát thì hãy cùng nhau ăn uống. Ân cần khuyến khích nhiều lần cho nên không tránh được ý đó, người cầu sanh cõi trời liền thuận lòng ăn uống. Bởi vì phá trai cho nên sự mong cầu không thành tựu, sau đó mạng chung sanh vào trong loài rồng. Người không ăn ấy thì được làm Quốc Vương; vì thân đời trước cùng thọ trai pháp, cho nên sanh trong hồ nước ở khu vườn của Quốc Vương kia. Lúc ấy người giữ vườn hằng ngày thường chuyển

các loại hoa quả dâng lên nhà vua, từ giữa hồ nước nhặt được một quả cây kỳ lạ, màu sắc và mùi thơm rất đặc biệt, dấy lên suy nghĩ rằng: Tuy mình ra vào thường xuyên nhưng mà người canh cửa lại trông thấy đầu tiên, mình mang quả này đến cho người ấy. Suy nghĩ như vậy rồi, lập tức mang đến đưa cho người canh cửa. Người canh cửa có được quả này rồi lại dấy lên nghĩ rằng: Tuy mình ra vào nhưng mà được Hoàng môn trông thấy đầu tiên, nên mang quả này đến cho người ấy. Nghĩ như vậy rồi lập tức mang đến đưa cho người Hoàng môn. Người Hoàng môn có được quả này rồi lại dấy lên nghĩ rằng: Phu nhân vì mình mà thường đến cạnh Đại Vương khen ngợi đức hạnh của mình, mình nên mang quả này đến biếu cho Phu nhân. Nghĩ như vậy rồi tức thì mang đến biếu cho Phu nhân. Phu nhân có được quả này rồi lại dâng lên Đại Vương. Nhà vua có được quả này rồi tức thì lấy ăn, cảm thấy rất thơm ngon, liền hỏi Phu nhân: nay nàng từ nơi nào có được quả này vậy? Phu nhân lập tức đúng như sự thật trả lời rằng: Thiếp có được quả này mang đến là từ người Hoàng môn. Như vậy lần lượt suy ra đến người giữ vườn. Nhà vua liền gọi đến hỏi: Trong vườn của Ta có quả ngon này, sao không thấy đưa đến mà lại đem cho người khác? Thế là người giữ vườn tự trình bày đầu đuôi sự việc, nhà vua không nghe nói mà bảo rằng: Từ nay về sau thường chuyển quả này đến, nếu không chuyển đến thì Ta sẽ giết ông. Người giữ vườn quay trở về đi vào trong khu vườn ấy, kêu gào tuôn nước mắt không thể nào kìm mình được, quả này không trồng do đâu mà có được đây? Lúc ấy Long Vương kia nghe tiếng khóc này, hóa làm thân người đi đến hỏi rằng: Nay ông vì sao khóc lóc như vậy? Người giữ vườn trả lời đầy đủ nguyên do, con rồng nghe lời này liền tiến vào trong hồ nước, lấy quả thơm ngon xếp trên mâm bằng vàng, mang đưa cho người giữ vườn, nhân đó lại nói cho biết rằng: Ông mang quả này dâng lên nhà vua, và nói rõ ý tôi rằng, tôi và Quốc Vương xưa vào thời Đức Phật tại thế, vốn là bạn thân, đều làm Phạm Chí cùng thợ Bát quan trai, mỗi người cầu theo ý nguyện của mình, giới của Quốc Vương trọn vẹn được làm Quốc Vương, giới của tôi không toàn vẹn nên sanh trong loài rồng, nay tôi vẫn muốn tôn thờ tu tập trai pháp cầu xả thân này, mong Quốc Vương giúp tôi tìm văn về Bát quan trai, mang đến cho tôi; nếu như làm trái ý đó thì tôi lật úp đất nước của Quốc Vương dùng làm biển rộng. Thế là người giữ vườn nhận lấy mâm quả, dâng lên nhà vua rồi, nhân đó tiếp tục trình bày lời của con rồng đã dặn dò. Nhà vua nghe chuyện này rồi thật là buồn lo. Vì sao như vậy? Bởi vì đang lúc bấy giờ thậm chí tên gọi Phật pháp cũng không có, huống là có thể có văn về

bát quan trai hay sao? Nếu như không tìm được thì sợ rằng phải gặp nguy hại vô cùng. Suy nghĩ cách này không biết nhờ đâu có thể lo liệu được. Lúc ấy Quốc Vương kia có một vị Đại thần, được nhà vua kính trọng nhất, nhà vua bèn nói cho biết rằng: Rong yêu cầu Ta tìm văn về bát quan trai, nhờ vào khanh tìm được giúp Ta. Vị Đại thần trả lời rằng: Thời nay không có pháp, làm sao có thể tìm được! Nhà vua lại nói cho biết rằng: Nếu khanh không tìm được, thì Ta nhất định giết khanh. Vị Đại thần nghe rồi, quay về đến nhà, sắc diện khác hẳn ngày thường, thật vô cùng sầu não. Lúc ấy vị Đại thần có người cha, tuổi đã già rồi, từ bên ngoài trở về, trông thấy sắc diện con trai thay đổi khác thường, liền đến hỏi han. Vị Đại thần đến cạnh cha trình bày đầy đủ ngọn nguồn tình lý. Người cha trả lời con trai rằng: Cột chống nhà của mình, cha thấy có ánh sáng, con hãy đến chặt ra xem sao! Thử lấy rìu bổ ra xem thì có được hai quyển kinh, một quyển là Thập Nhị Nhân Duyên, một quyển là văn Bát Quan Trai. Vị Đại thần có được rồi thật vô cùng hoan hỷ, đặt trên mâm bằng vàng tôn kính dâng lên cho nhà vua. Nhà vua có được thì vui mừng không sao tả xiết, chuyển đến đưa cho Long Vương. Long Vương có được rồi vô cùng mừng rỡ vui sướng, mang nhiều châu báu tặng cho nhà vua, tất cả trở về nơi cư trú của mình. Long Vương cùng với năm trăm rồng quyển thuộc thường xuyên thực hành tôn trọng tu tập quan trai sau đó mạng chung sanh lên cõi trời Đạo Lợi đến cúng dường Ta, chính là ánh sáng kia vậy. Đức Phật bảo với A-nan: Cần phải biết rằng năm trăm rồng quyển thuộc tôn trọng tu tập trai pháp lúc ấy, nay chính là năm trăm Thiên tử. Lúc Đức Phật thuyết về nhân duyên này, có người đạt được bốn quả Sa môn, có người phát tâm Vô thượng Bồ đề, nghe Đức Phật thuyết giảng đều hoan hỷ vâng theo thực hành.”

Còn trong luật Di Giáo Pháp nói: “ Nếu xuất gia sử dụng ngựa xe một ngày thì trừ bớt năm trăm ngày trai, một năm có 360 ngày sử dụng, tính ra trừ bớt mười tám vạn ngày trai. Xá-lợi-phất thưa hỏi Đức Phật: Vì sao Tỳ kheo sử dụng ngựa xe một ngày mà trừ bớt năm trăm ngày trai? Đức Phật dạy: Tỳ kheo là người biết rõ luật cấm, người khác trông thấy sinh tâm bài báng, khiến cho người ta mang tội, trừ người già yếu-bệnh tật tạm thời sử dụng thì không phạm.” (Hỏi: Vì sao không nói đến người thế tục? Đáp: Bởi vì người xuất gia thuần khiết đạm bạc, thương xót chúng sanh, cho nên sử dụng ngựa xe thì người khác trách móc chê bai; người bạch y dung tục vẫn đục thường tạo ra tội lỗi, giết hại trộm cắp rất tâm thường, đâu kể gì nặng nhẹ, cho nên người ta trông thấy không đáng lấy làm lạ.)

Tụng rằng:

*Tâm tham chưa bao giờ thỏa mãn,
Phước thiện chưa bao giờ buồn lo,
Chỉ cầu mong ăn thứ ngọt ngon,
No nê bụng không còn hổ thẹn.
Bụi mờ hoàn toàn chưa lau sạch,
Tâm dơ há có thể trừ bỏ,
Phá trai thường ăn giữa đêm khuya,
Không xứng với tín thí nan tiêu.
Khổ muôn đời mạng mình ngăn ngủi,
Nghiệp thúc giục đi trong đêm tối,
Nổi trôi giữa bốn bề biển rộng,
Khó gặp được con thuyền Lục Độ.
Điều ác nhỏ hãy còn không sửa,
Việc thiện lớn sao có thể tu,
Giống như rồng ở hồ trong vườn,
Sao có thể sánh bằng bậc cao?*

Nhân duyên cảm ứng:

Sơ lược dẫn ra 3 chuyện: 1- Tôn Trĩ thời nhà Tấn- 2- Vương Thị thời nhà Tề; 3- Lý Tư Nhất thời nhà Đường.

1. Thời nhà Tấn có Tôn Trĩ là Pháp Huy, người huyện Bàn Dương nước Tề. Cha là Tôn Tô làm Thái Trung đại phu triều nhà Tấn, Tôn Trĩ còn nhỏ mà phụng trì trai pháp. Năm 18 tuổi vào tháng 8 năm thứ nhất thời Tấn Hàm Khang bị bệnh mà chết. Tôn Tô sau đó chuyển đến ở Vũ Xương. Vào ngày mồng 8 tháng 4 năm Hàm Khang thứ 3, Sa môn Vu Pháp Giai, mang pho tượng tôn nghiêm đi qua trước cổng nhà, vợ chồng con cái lớn nhỏ đi ra nhìn xem. Tôn Trĩ cũng ở trong mọi người, đi theo hầu pho tượng, trông thấy cha mẹ, quỳ lạy chào hỏi cùng đi theo về nhà. Tôn Tô trước đó mắc bệnh, Tôn Trĩ nói: Không có tai hại gì nghiêm trọng lắm đâu, không tự mình bảo vệ mà xảy ra thôi, đến tháng 5 sẽ khỏi. Nói xong từ biệt ra đi. Ngày 15 tháng 7 năm ấy, lại trở về quỳ lạy chào hỏi, đều giống như lúc còn sống. Nói rằng ông ngoại của mình làm Thái Sơn phủ quân, gặp Tôn Trĩ nói tên của mẹ Tôn Trĩ rằng: Con là con cái của người đó ư, chưa đúng lúc đến, sao có thể đến đây? Tôn Trĩ đáp: bác trai sau này sắp bị khiển trách, có lệnh xét hỏi phải phạt đánh đòn, Tôn Trĩ cứu giúp mà được tha thứ. Anh của Tôn Trĩ là Tôn Dung tự Tư Uyên, lúc ấy ở bên cạnh, Tôn Trĩ nói cho biết rằng: Tuy là hình hài trước kia nhưng ở nơi vui sướng tốt đẹp, chỉ đọc sách chứ không có

mong cầu gì khác, anh đừng buồn lo nữa, chỉ chịu khó tinh tiến giữ lòng tu thiện, phước tự nhiên đi theo người thôi. Em trải qua hai năm học hành thành tựu được sanh trong nhà Quốc Vương; cùng hàng có năm trăm người, nay ở trong nhà phước đức, học hành thành tựu đều được sanh lên trên cõi trời thứ 6, em vốn cũng được sanh lên cõi trời, nhưng bởi vì nhân duyên giải cứu cho người quá cố mà còn ràng buộc, một mình sanh vào nhà Quốc Vương thôi. Đến ngày mồng 7 tháng bảy năm Hàm Khang thứ 5 lại trở về nói: Chu Thành sẽ xảy ra nạn giặc cướp. Sự việc đưa ra rất nhiều, tất cả đều đúng như lời nói. Người nhà giữ kín, vì thế không có ai nói ra. Lại nói: Người quá cố có nhiều tội lỗi bị khiển trách, nên làm phước giúp cho họ, nay con đầu thai trong loài người, không cần phải nghĩ cách gì cả, mà chỉ cứu giúp người quá cố thôi, mong cha và anh chịu khó làm công đức tạo phước, giờ ăn cốt phải làm cho thuần khiết, tất cả đều đúng như pháp thì nhận được phước trên cao, kém đi thì phước sẽ kém. Nếu không có thể như vậy thì chỉ uống phí sức lực mà thôi, nên làm cho tâm bình đẳng không có phân biệt mình và người, phước ấy mới nhiều. Lúc ấy Tôn Tộ có người hầu gái, lúc Tôn Trĩ chưa trở về, bỗng nhiên bệnh gần chết, toàn thân đều đau đớn. Tôn Trĩ nói: Người hầu gái này muốn phản bội, trước đó con đã đánh cho, không có thể rời bỏ nữa đâu. Xét hỏi thì người hầu gái nói: Trước đây thật sự là muốn phản chủ nên cùng với người ta hẹn rồi, ngày hẹn sắp đến mà phải dừng lại v.v...

2. Thời nhà Tề có Vương Thị tên là Tứ Nương, bệnh mà chết vào năm thứ 3 thời Tề Vĩnh Minh, đưa thi thể đặt vào nơi chuẩn bị tắm rửa thay áo quần liệm thì cảm thấy phần ngực còn ấm, do đó chưa tắm liệm. Trải qua hai đêm thì thân thể có phần ấm lên, hơi thở dần dần trở lại, lát sau có thể nói được. Tự mình nói rằng có hai người bắt trói dẫn đi đến một căn nhà lớn, có một Sa môn ngồi trên rập cao, trông thấy rất kinh hãi, hỏi vì sao đến đây? Thế là mắng hai người ấy rằng: Các ông bắt nhầm người đến, mỗi người phạt đánh 40 hèo. Nói với Tứ Nương rằng: Cô có thể đi. Đáp rằng: Từ trước đến nay mù mịt không biết đường đi, xin cho người chỉ rõ đường đi. Sa môn liền sai một người tiễn đưa. Đi một đoạn trông thấy người tôi tớ đã chết trước kia đứng dựa trên lầu cao, kinh hãi hỏi Tứ Nương rằng: Sao bỗng nhiên đến nơi này, muốn gặp cô đâu không? Đáp rằng không biết nơi nào, gọi người tôi tớ tự mình đưa đi. Người tôi tớ nói không thể đưa đi được, Tứ Nương cứ đi, đường phía trước sẽ gặp nhau. Nói xong ném cho một chiếc roi ngựa và bảo rằng: nắm chặt chiếc roi này thì tự biết đường đi. Đi khoảng chừng vài dặm,

thì trông thấy cô dâu, chính là chị dâu cũ Tứ Nương, đang bị trách phạt khổ sở, hai tay hai chân bị trói chặt, như cách trói ngỗng vịt treo ở cạnh đường đi. Gặp nhau kêu khóc buồn thảm, cô dâu tự nói rằng: Lúc còn sống gây ra tội lỗi, nay sanh vào nơi đau khổ hiểm ác này. Muốn có tay đánh vào má cầu xin xót xa giúp đỡ, mà tay bị co quắp không sao đánh vào má được. Lại nghe tiếng nhận chịu đau khổ ở xung quanh, mà không nhìn thấy hình dạng, Tứ Nương hỏi đó là tiếng gì vậy. Đáp rằng: Đó là những vị tăng không có đức hạnh, phá trai phạm giới, nhận chịu khổ báo nơi này, chính là tiếng kêu gào ấy vậy. Ngay sau đó men theo đường mà trở về, chốc lát đã đến nhà, trông thấy thi hài của mình mà ý thật chán ngán, không mong trở về nữa. Bất chợt có người đẩy ngã dúi vào thi hài, thế là được dựa vào thân xác mà dần dần sống lại. Người ấy nay tốt lành và hãy còn tồn tại (trong thời gian người viết chuyện kể lại sự việc này thôi).

Hai chuyện trên đây trích từ Minh Tường Ký.

3. Thời nhà Đường có Lý Tư Nhất ở Lũng Tây, nay sống tại huyện Phẫu Dương thuộc Tương Châu. Đã chết vào tháng Giêng năm thứ 1hai thời Đường Trinh Quán, qua một ngày mà sống lại; nói rõ ở trong Minh Báo Ký. Đến tháng 5 năm thứ 3 thời D(ường Vĩnh Huy lại chết, qua một đêm mà sống lại, nói rằng bởi vì tuổi thọ chưa hết, được nhà vua tha cho trở về, ở trước nhà vua trông thấy Biện Khuê là Tăng ở chùa Pháp Quán huyện Phẫu Dương-Tương Châu, lại trông thấy Hoàng Lượng và Tuệ Bảo là Tăng ở chùa Hội Phước, cả ba người đều ở trước mặt nhà vua. Trả lời rõ ràng những điều trông thấy ở chốn âm tu rằng: Tuệ bảo thời hạn chết chưa đến nên tu công đức, Biện Khuê và Hoàng Lượng năm nay chắc chắn sẽ chết. Biện Khuê và Hoàng Lượng vào năm này quả nhiên kế tiếp nhau qua đời. Sau đó Tăng trong chùa mời một thầy mo đến phòng cũ của Biện Khuê và Hoàng Lượng chiêu hồn hai vị Tăng hỏi han. Biện Khuê nói: Vì tôi phá trai cho nên nay chịu đau khổ vô cùng. Đồng thời nói với các đệ tử rằng: Giúp tôi thiết trai cứu thoát khổ nạn! Hạng đệ tử liền tiến hành thiết trai cúng dường. Thầy mo lại nói: Biện Khuê đã được miễn tội. Hoàng Lượng nói: Vì tôi phá trai và ngông cuồng xử lý những điều tốt-xấu của người ta, nay bị rút lưỡi đau khổ vô cùng, không có thể nói nhiều được. Tuệ Vinh và các Tăng trong chùa Trí Lực ở Tương Châu nói lại chuyện như vậy.

(Chuyện trên đây trích trong Minh Báo Thập Di Ký.)

Thiên thứ 91: THƯỜNG PHẠT

Thiên này có 2 phần: Thuật ý và Dẫn chứng.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý.

Rằng ham sống sợ chết, là điều mà hàm thức chúng sanh đều mong mỏi, lợi mừng hại giận, là điều mà kẻ trí người nhân không tránh khỏi. Vì vậy sống chết đạ trên đạo nghĩa, hoặc thỏa mãn với lòng mình, trái tánh tổn thương hòa thuận, làm cho căm hận kéo dài, đã từng chèn ép oan uổng, gây ra bao mối oan khiên. Sử Thiên nói: “Có cái chết nhẹ như lông hồng.” Trang Chu nói: “Sống thì coi trọng hơn thiên hạ.” Vì vậy sống chết trái với tánh, thì sự oán hận tàn khốc ở chốn âm cung; thường phạt sai thứ tự, thì tiếng đau thương xót xa kết thành căm giận. Hình ảnh âm vang còn ở nghe và nhìn, mơ màng tỉnh giấc quay về đúng và sai, làm gì ở đâu cũng luôn trở lại, thở than đau xót thật đáng sợ hãi. Ngõ hầu người địa vị quyền thế trên cao, xem gương sáng mà bỏ uy quyền; người ôm lòng mong mỏi lợi danh, mở mai rùa mà kềm chế mình. Người vô tội thì được giữ vẹn thân hình, người làm phước thì thọ cùng trời đất.

Phần thứ hai: DẪN CHỨNG

Như kinh Bách Dụ nói: “Xưa có hai người, cùng nhau trồng mía, mà phát ra lời thề rằng: Người trồng mía ngọt thì thưởng, người trồng mía không ngọt thì chịu phạt nặng. Lúc ấy trong hai người, có người nghĩ rằng: Mía rất ngọt, nếu ép lấy nước mía, trở lại tưới cho mía, thì cây mía ắt phải được ngọt hơn. Đã lấy nước mía tưới cho cây mía, hy vọng tăng thêm vị ngọt, mà trái lại cây mía đã trồng bị hư hoại, mía vốn có đều bị hủy hoại. Người thế gian cũng như vậy, mong cầu phước thiện, mà cậy mình quyền uy cao quý, dựa vào thế lực, bức kiếp dân đen, xâm phạm chiếm đoạt tiền của đồ vật, dùng làm những việc mong cầu phước thiện; không biết rằng tương lai trái lại phải nhận chịu tai ương do mình gây ra, giống như ép mía đôi bên đều mất.”

Trong kinh A Dục Vương nói: “Xưa vợ của vua A Dục là Phu nhân Liên Hoa sinh ra một bé trai, diện mạo đoan chánh (theo kinh Phú Pháp Tạng thì tên gọi là Pháp tăng), mắt tựa như mắt của Câu Na La, nhân đó đặt tên là Câu Na La. Nhà vua rất yêu quý tôn kính. Lớn lên lấy vợ tên là Chân Kim Man. Sau đó cùng nhà vua đến chùa Kê Đầu Ma, đi đến chỗ Thượng tọa. Thượng tọa Dạ Xa biết chắc chắn sẽ mất đôi mắt, thường thuyết pháp cho nghe về tướng vô thường của mắt. Đại Phu nhân

của nhà vua tên là Đế Thất La Xoa, thấy đôi mắt đơan chánh dấy tâm ô nhiễm đòi lấy đôi mắt. Thái Tử nghe bịt tai không thuận theo mong muốn ấy. Phu nhân giận giữ thường cầu cho chết sớm, muốn móc lấy đôi mắt. Về sau nước Kiền Đà La ở phương Bắc, có khu thành tên gọi Đắc Xoa Thi La, nhân dân nổi lên phản nghịch, nhà vua phái Thái Tử đến trấn giữ. Sau đó nhà vua mắc bệnh, trong miệng hôi thối, những lỗ chân lông trên thân chảy ra nước phân dơ, không có người nào có thể chữa trị, truyền gọi Câu na La muốn Thái Tử kế thừa ngôi vua. Đế Thất La Xoa nghe rồi nghĩ rằng: Nếu Thái Tử làm vua thì mình không có cách gì sống được. Liên tìm cách mà thưa với nhà vua rằng: Thiếp có thể chữa trị cho nhà vua. Lập tức truyền lệnh trong nước ai mắc bệnh như nhà vua, đều theo lệnh dẫn đến, Ta chữa trị cho. Lúc ấy có một người có căn bệnh như vậy, người vợ hỏi thầy thuốc để chữa cho chồng, thầy thuốc nói dẫn đến sẽ chữa trị cho chồng của cô. Đã đến chỗ thầy thuốc, liền chuyển đến giao cho Phu nhân. Phu nhân giết chết, mổ bụng thấy sâu bọ, thuận theo phân dơ đi lên-đi xuống cũng như vậy, dùng các loại thuốc nhưng không thể nào làm cho chết được, sau mới lấy củ hành cho ăn thì sâu bọ lập tức chết đi. Vì nhân duyên này khuyên nhà vua ăn hành củ. Nhà vua ăn thì sâu bọ chết, theo đường thải phân mà ra ngoài. Bệnh nhà vua được chữa khỏi, nói với Phu nhân rằng: Muốn có được mong cầu gì? Đáp rằng: Muốn được làm vua bảy ngày. Nhà vua liền đồng ý. Đã được làm vua rồi, làm giả chiếu thư của nhà vua, nói với người ở thành Đắc Xoa Thi La rằng: Câu-na-la có tội lỗi lớn, lập tức móc mắt ra. Làm giả chiếu thư đã xong, đến lúc nhà vua đi ngủ trộm lấy ngọc tử của nhà vua đóng vào. Nhà vua nằm mộng kinh hãi tỉnh giấc nói với Phu nhân rằng: Mộng thấy hai con chim Đại bàng muốn móc đôi mắt của Thái Tử Câu-na-la con Ta. Nói xong lại ngủ. Lại mộng thấy mà tỉnh giấc nói với Phu nhân rằng: Mộng thấy Câu-na-la đầu tóc rất dài mà ngồi dưới đất. Phu nhân an ủi nhà vua lại tiếp tục ngủ. Nhà vua ngủ rồi phu nhân lấy được ấn ngọc ấn vào chiếu thư, sai sứ mang đi. Nhà vua lại mộng thấy hàm răng rơi rụng. Sáng sớm gọi thầy xem tướng, đoán xem giấc mộng lành dữ thế nào. Thầy tướng nói: Giấc mộng này chắc chắn là tướng của Thái Tử mất đôi mắt. Nhà vua nghe nói chấp tay quy mạng chư Phật bốn phương-đạo thần tin tướng Pháp-Tăng, cầu xin bảo vệ Thái Tử con trai của con. Chiếu thư đến nước kia, Câu-na-la nhận được chiếu thư thì tin vào lời nói ấy, mượn một người Chiên-đà-la khiến móc đôi mắt của mình, nhưng người ấy không chịu móc mắt. Chỉ vì nghiệp duyên chín muồi, tự nhiên có người mặt mày xấu xí đáng sợ,

đến xin móc mắt. Thái Tử nói với người xấu xí: Trước hãy móc một mắt đặt trong tay Ta. Đưa dao đến mắt, tất cả dân chúng kêu gào oán thán vang động trời đất, quái lạ thay đau khổ thay! Mọi người xót xa ân hận khóc nỉ non không thể nào tự kèm nén được.”

Còn trong chuyện Phú Pháp Tạng nói: “Cầu một người ác khiến móc mắt bên phải, đặt trong lòng bàn tay xem xét, liền nghĩ đến lời khuyên nhủ của Da Xá trước kia, mà phát ra lời nói rằng: Mắt là vô thường, giống như huyễn hóa, lúc xưa kỳ diệu, nay nhìn có gì đáng yêu, nên xả bỏ pháp mục nát hiểm nguy, chuyên cầu tuệ nhãn thanh tịnh tối thắng. Lúc đấy lên quán xét như vậy liền đạt được Tu-đà-hoàn. Lại móc một mắt suy xét sâu xa, chán ngán tình ý xấu xa cuối cùng đạt được quả Tư-đà-hàm. Vợ của Thái Tử là Chân Kim Man nghe chống bị móc mắt, gào khóc tuôn trào đôi dòng nước mắt, kinh hãi khóc nức nở mà chạy đến, trông thấy rồi nhất lịm rất lâu mới tỉnh lại. Lúc ấy Câu-na-la dùng kệ nói rõ cho vợ biết rằng:

*Xưa kia tôi làm những nghiệp ác,
Hôm nay trả lại tự mình chịu,
Tất cả đau khổ của thế gian,
Là ân ái hội tụ biệt ly,
Nàng nên tư duy thật tường tận,
Đâu cần phải khóc lóc nỉ non!*

Lại trong kinh A Dục Vương nói: “Lúc ấy Thái Tử Câu-na-la trả lời vợ: Chúng ta tự tạo ra hôm nay phải nhận chịu, ân ái hội tụ chia ly đâu cần phải khóc lóc nỉ non! Bị người đi làm sứ đuổi ra khỏi đất nước, vợ chồng dẫn nhau đi gảy đàn ca hát xin ăn để tự sống, duy trì tính mạng lần lượt mà đi. Quay trở về đất nước mình, muốn đi vào cung vua, nhưng người canh cổng ngăn lại, liền đến ở nhờ qua đêm trong chuồng voi ngoài cổng. Đến sáng gảy đàn, tự nói ra sự việc khổ đau, nhà vua nghe thấy tiếng đàn, trong lòng tha thiết nhớ đến con, liền sai người gọi vào. Đã đến nơi nhà vua, nhà vua trông thấy mắt mù, hình hài dung mạo gầy gò xấu xí, áo quần rách rưới thảm hại, cũng không nhận ra, chỉ thấy hình tướng là người trẻ tuổi, lập tức hỏi rằng: Ông là Câu-na-la con trai của ta phải không? Đáp rằng: Chính là con đây. Nhà vua nghe thấy lời ấy, ngắt lịm ngã nhào xuống đất, vẩy nước mới tỉnh lại, ôm vào trong đầu gối, tay xoa đôi mắt khóc chảy nước mắt mà nói: Đôi mắt con xưa kia tựa như Câu-na-la, cho nên liền lấy làm tên gọi, nay đều mất đi, lấy gì làm tên gọi, ai móc mắt con, khiến cho con gặp phải khổ khổ tiêu tụy như vậy, hãy mau nói cho Ta biết, nay Ta thấy con hình hài thân thể

tiều tụy, ví như lửa dữ đốt cháy thân tâm Ta tan nát tất cả, đau xót vô cùng. Thái Tử nói với nhà vua rằng: Mong Phụ Hoàng đừng buồn phiền xót xa, con tự tạo nghiệp không thể oán trách người khác được, nhận được chiếu thư có ấn ngọc của Phụ Hoàng đóng vào, truyền lệnh móc mắt cho nên con không dám trái lệnh. Nhà vua lập lời thề rằng: Nếu Ta truyền lệnh móc mắt thì nên tự cắt lưỡi mình, nếu dùng ấn ngọc thì nên nhổ hết răng Ta, nếu mắt Ta nhìn thấy thì tự móc mắt của mình. Sau đó nhà vua suy xét biết chính là La – xoa làm chiếu thư sai móc mắt, nhà vua gọi đến mắng rằng: Đồ xấu xa không tốt lành, nơi nào che chở cho người giở đây người không tự mình chìm xuống đất lạnh, người thật sự là kẻ thù của Ta, giả gần gũi ôm ấp thân thiện mà lòng đầy mưu mô hiểm ác. Mắng nhiếc đủ điều rồi, chất củi rưới dầu châm lửa mà chiêu chết.”

Còn trong truyện Phú Pháp tạng nói: “Lúc ấy Thái Tử Câu-na-la khởi tâm Đại Bi, mà thưa với vua cha rằng: Nếu bây giờ gây thêm thù oán với người kia, thì chắc chắn phải trải qua nhiều đời kiếp cùng làm oán thù gây hại lẫn nhau, ví như nhờ vào âm thanh thì có tiếng vang đáp lại, cũng như trẻ thơ không biết nghĩa lý mà mắng nhiếc làm nhục cha mẹ không có tâm khiêm tốn cung kính, mà cha mẹ của trẻ thơ này lẽ nào đối với con mình lại dấy lên sân hận hay sao? Tất cả chúng sanh cũng lại như vậy, thường bị phiền não làm cho tối tăm, ngu si vô trí giống như trẻ thơ, làm sao vì kẻ ấy mà sinh lòng giận dữ. Tâm nhà vua đang chứa đầy giận dữ không chấp nhận lời nói đó, chất nhiều củi tươi dầu vào mà đốt chết cháy.”

Lại trong kinh A Dục Vương nói: “Lúc bấy giờ các Tỳ kheo trông thấy bèn hỏi Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa: Có nhân duyên gì? Tôn giả đáp rằng: Câu-na-la xưa kia làm một thợ săn ở nước Ba-la-nại, vào trong hang núi bắt được năm trăm con hươu, nếu như giết chết tất cả thì thịt sẽ thối rữa, móc mắt của bảy hươu ra, mỗi ngày ăn thịt một con hươu. Từ lúc ấy đến nay, trong năm trăm thân mạng thường bị móc mắt. Lại vào thời quá khứ sau khi Đức Phật Câu Lưu Tôn nhập Niết-bàn, lúc ấy Quốc Vương tên gọi là Đoan Nghiêm, tiến hành xây dựng tòa tháp bằng đá, trang nghiêm bằng 7 thứ báu. Sau khi nhà vua qua đời có một vị vua độc ác, tên gọi là Bất Tín, phá hủy tòa tháp lấy châu báu, chỉ để lại đất đá gỗ cây. Câu-na-la lúc bấy giờ là con trai trưởng giả, lại dùng 7 thứ báu tu sửa tòa tháp này, còn làm phi tượng lớn cùng với thân Phật như nhau không khác, phát thệ nguyện rằng: Khiến cho con ở đời sau đạt được giải thoát thù thắng giống như Đức Phật này. Duyên xưa kia tạo

thấp được sanh trong dòng dõi tôn quý, nhờ xưa làm phi tượng cho nên thường được thân hình đoan chánh, nhờ vào lời phát nguyện cho nên nay đạt được dấu tích của đạo.”

Còn dựa theo Vương Huyền Sách Tây Quốc Hành Ký nói: “ Tâm nhà vua ấy biết người vợ kế là kẻ xấu, nuốt bực bội mà tha thứ, còn chịu thêm hình phạt đánh đập của người vợ kế. Lúc ấy quan phụ tá cùng bị lưu đày vào vùng đất khô cằn sỏi đá phía Đông Bắc vùng Tuyết Sơn. Thánh Tăng tên gọi Yến Sa ở chùa Ma Ha Bồ đề, là bậc Đại A-la-hán. Nhà vua nghe là bậc cao đức, dắt theo con trai mù trình bày đầy đủ sự việc trước đây, rủ lòng thương xót giúp cho mắt sáng lại. Vị Tăng nhận lời thỉnh cầu của nhà vua, bày tỏ với tất cả dân chúng trong nước, sáng ngày mai tôi sẽ giảng thuyết về pháp sâu xa, mọi người mang theo đồ dùng đến, để chứa nước mắt. Ngày ấy đạo-tục từ xa tranh nhau đến dự pháp hội. Lúc nghe thuyết về mười hai nhân duyên, mọi người đau buồn xót xa tuôn trào máu lệ mà thôi. Thân nhận tất cả nước mắt đặt trong cái chậu bằng vàng, vị Tăng lập lời thề rằng: Pháp đã thuyết trước đây nếu lý ấy thích hợp, nguyện dùng nước mắt của mọi người rửa đôi mắt của con trai nhà vua khiến cho được sáng trở lại, nếu lý không thích hợp thì đôi mắt mù chư cũ! Ngay sau đó lấy nước mắt rửa đôi mắt, đôi mắt tức thì bình phục. Lúc ấy nhà vua và con trai không nén được vui mừng, mọi người lúc ấy đều vui sướng cùng nói to: Tốt đẹp thay, chỉ có Thánh lực mới được như vậy. Con trai nhà vua chính là Thái tử Câu-na-la. Bây giờ tòa tháp hãy còn tồn tại.”

Còn trong kinh Phật Bản Hạnh nói: “Lúc bấy giờ đến thời gian khát thực, Đức Thế Tôn khoác y ôm bình bát mà đi một mình. Muốn xin được thức ăn, phải dần dần đến thôn xóm Đại Bình Tướng kia. Đi vào thôn ấp kia rồi, thì đến nhà Bà-la-môn Bình Tướng. Đến nhà ấy rồi, liền tiến vào trong cổng nhà ấy, trải chỗ ngồi mà ngồi. Lúc bấy giờ Đại Bà-la-môn Bình Tướng, có hai cô con gái, một cô tên là Nan-đà, một cô tên là Ba-la. Lúc ấy hai cô con gái kia đi ra đến bên Đức Phật. Đến nơi Đức Phật rồi cúi đầu lạy dưới chân Đức Phật, lùi lại đứng về một phía. Đức Phật thuyết pháp cho nhe đạt được quả Tu-đà-hoàn, xin thọ ba pháp quy y và năm giới xong, liền lấy bình bát của Đức Phật đem đồ ăn thức uống thơm ngon ngọt ngào, chứa đầy trong bình bát để mang đến dâng cúng Đức Phật. Bấy giờ Đức Thế Tôn thọ nhận thức ăn ấy rồi, từ trong thôn mà đi ra. Lúc bấy giờ Đại Bà-la-môn Đề-bà, từ người khác nói cho nghe là Đại Sa môn ấy đi đến nơi này, nghe rồi liền dấy lên suy nghĩ: Xưa mình đã từng thỉnh mời Đại Sa môn ấy, hứa bố thí đồ ăn thức uống, nay

mình nghèo túng, nên làm cách nào? Người vợ Đê-bà trả lời chồng rằng: Xin nghe theo lời có thể nói, không biết phải như vậy hay không? Thiếp nhớ trước kia lúc tuổi còn trẻ, Đại Bà-la-môn Bình Tướng, đã từng chơi đùa với thiếp, mong cầu đến việc đời, lúc ấy thiếp không nghe theo, người ấy tạm thời chạm vào ngón tay, bây giờ chàng đem thiếp giao cho người ấy để làm những việc thế tục, từ người ấy tùy ý lấy ít nhiều tiền bạc đồ vật, có được rồi thì làm thức ăn bố thí cho Đại Sa môn kia! Lúc bấy giờ Đê Bà trả lời vợ mình rằng: Việc này không phải như vậy, theo lý của Bà-la-môn chúng tôi thì không nên làm điều như vậy. Lúc ấy Đê-bà liền đến chỗ Bình Tướng trình bày rằng: Tốt lành thay, tốt lành thay! Chỉ mong cho tôi vay mượn năm trăm quan tiền, nếu tôi có khả năng trả lại thì điều này tốt đẹp thay, nếu như không có khả năng trả lại thì hai vợ chồng tôi nói rõ là cùng bước vào nhà ông đem sức mình làm việc cho ông. Bấy giờ Bình Tướng liền đưa cho Đê-bà số tiền đủ năm trăm quan, mà nói với Đê-bà rằng: Bây giờ ông mang đi tùy theo ý mình mà sử dụng, việc ấy nếu hoàn tất thì không được tiếp tục chuyển sang đi theo người khác để vay mượn mang đến trả lại cho tôi đâu, như ông đã yêu cầu tự thân mình dốc sức kiếm tiền cho tôi thôi. Lúc bấy giờ Đê-bà từ bên nhà Bình Tướng, y theo pháp nhận lấy năm trăm quan tiền rồi, về đến nhà mình giao cho người vợ, mua sắm đầy đủ đồ ăn thức uống. Liền đi đến trong rừng, hướng về phía Đức Phật, mong muốn thỉnh mời Như Lai rằng: Tốt lành thay Đại Đức Sa môn Cù Đàm, chỉ mong nhận lời con ngày mai cúng dường bữa cơm! Lúc ấy Đức Thế Tôn im lặng nhận lời thưa thỉnh. Đê-bà lễ chào Đức Phật mà đi, cho đến nhà mình, thì tất cả đường dọc ngõ ngang trong thành đều mua thức ăn chọn lựa kỹ càng. Bấy giờ Đê-bà ngay trong đêm ấy chuẩn bị chu đáo nhiều loại đồ ăn thức uống ngon lành ngọt ngào. Đêm ấy lo liệu tất cả các món ăn như vậy, đêm trôi qua trời sáng tỏ rải nước quét sạch trong nhà trải bàn ghế chỗ ngồi xong, liền đến bên Đức Phật quỳ thẳng thưa rằng: Đồ ăn thức uống đã sắp đặt xong, nguyện đến nhà con! Lúc bấy giờ đã đến giờ ăn, Đức Thế Tôn khoác y ôm bình bát chậm chậm mà đi, đến nhà Đê-bà thuận theo trải chỗ ngồi mà ngồi. Hai vợ chồng tự tay bưng lên nhiều loại đồ ăn thức uống đầy đủ mùi vị thanh tịnh vi diệu, đặt vào phía trước Đức Phật để dâng cúng Đức Thế Tôn: Chỉ mong Như Lai tự tùy ý mình sử dụng. Lúc ấy Đê-bà dâng cúng thức ăn lên Đức Phật rồi, rời ra ở bên cạnh Đức Phật trải chỗ ngồi mà ngồi. Ngồi yên rồi Đức Thế Tôn liền thuyết pháp cho Đê-bà như mong muốn, khiến cho hoan hỷ vô cùng, rồi từ chỗ ngồi mà đứng dậy tùy ý quay về. Bấy giờ Đê-bà

tiền đưa Đức Phật đi ra, vợ của Đề-bà từ nơi khác mượn áo để mặc, trông thấy Đức Phật rời nhà quay về thì liền cởi áo, đặt vào một nơi mà quét dọn nhà cửa. Lúc ấy có một kẻ trộm cắp, bất ngờ trộm lấy chiếc áo ấy mang đi. Lúc người vợ vì mất chiếc áo cho nên tâm tư vô cùng sầu não, Đề-bà liền đưa Đức Phật sau đó trở lại nhà, thấy vợ hoảng loạn, liền hỏi rằng: Tại sao phiền não như vậy? Vợ trả lời chồng rằng: Bởi vì biết là chiếc áo đã mượn, không biết ai trộm, bỗng nhiên mất rồi. Lúc ấy Đề-bà nghe nói lời này rồi, lòng dạ mịt mờ tán loạn không biết làm sao, bèn nói như vậy: Tôi đã thuận theo người ta vay mượn năm trăm quan tiền, dùng để mua vật dụng cúng dường, nay nàng từ nơi khác mượn áo để mặc, bỗng nhiên lại mất đi, nhà mình nghèo thiếu lấy gì trả cho đủ, nên làm cách gì đây? Lúc bấy giờ Đề-bà mong muốn tự tử, liền đi đến trong rừng Thi-đà, trèo lên trên cây to muốn tự mình ngã nhào xuống đất, nhưng không thể nào rơi xuống được, thì trở lại lo lắng vô cùng. Nhưng mà người ăn trộm kia cầm chiếc áo ấy đến rừng Thi-đà, bỗng nhiên quay trở lại, ở dưới tán cây mà Đề-bà đang ngồi phía trên, đào đất chôn lại, lấy đất phủ phía trên, thả phân lên phía trên chỗ ấy xong mà đi. Lúc đó Đề-bà ngồi ở trên cây, từ xa trông thấy việc này, sau khi kẻ trộm cắp rời xa thì từ trên cây tụt xuống, đào lấy chiếc áo ấy, mang trở về trả cho vợ mình. Lúc ấy vợ Đề-bà quét dọn mọi nơi trong nhà, đến lúc quét một góc phòng ấy, bỗng nhiên tự lún xuống, cúi đầu nhìn xem, thấy dưới lòng đất có một chiếc lọ đồng màu đỏ, trong chiếc lọ có vàng... (cho đến nơi sơ lược thôi). Trông thấy chiếc lọ thứ hai-thứ ba-thứ tư, tất cả đều là chiếc lọ như vậy. Lại tiếp tục nhìn xem dưới chỗ ấy, còn thấy một cái chum đồng màu đỏ, trong chum cũng đầy vàng. Người vợ trông thấy vàng rồi thì kêu lên rất ngạc nhiên, chỉ rõ cho chồng biết rằng: Chàng yêu quý, chàng yêu quý ơi! Mau đến đây, mau đến đây, thiếp đã có được rồi. Lúc bấy giờ Đề-bà nghe tiếng vợ rồi, dấy lên suy nghĩ như vậy: Cô vợ cũng thật đáng thương, vì sao tâm tư tán loạn, nói dối như vậy chứ, nói mình đã có được đồ vật, trước đó mượn áo ở nơi khác đã bị mất đi; mình đã có được áo, áo hiện tại ở đây vì sao nói to là thiếp đã có được rồi? Lúc ấy Đề-bà mang chiếc áo đi vào nhà, hỏi vợ mình rằng: Áo mặc ở nhà, nàng đã có được cái gì? Người vợ liền chỉ cho biết số vàng ấy, nói cho biết rằng: Chàng yêu quý, thiếp có được ở đây này. Lúc này Đề Bà lại nói với vợ rằng: Nàng bị mất áo, tôi cũng tìm được vậy. Thế là người vợ lấy chiếc áo đem đến nơi đã mượn trả về lại cho người chủ. Lúc bấy giờ Đề-bà dấy lên suy nghĩ rằng: Nay mình chỉ có một mình không thể nào tiêu dùng hết được

số vàng rất nhiều như vậy. Lập tức mang theo năm trăm quan tiền, đi thẳng đến phía nhà Binh Tướng, mà trả lại món nợ ấy. Đến nơi rồi nói với Đại Binh Tướng rằng: Tôi vay mượn năm trăm quan tiền từ người nhân ái, nay đem trả lại cho ông. Lúc ấy Binh Tướng nói với Đê-bà rằng: Trước đây tôi nói với ông không được mượn tiền từ người khác đem trả cho tôi, mà chỉ dốc sức của chính mình để kiếm tiền trả cho tôi. Đê-bà lại nói: Tôi không vay lấy vật này từ người khác. Binh Tướng lại hỏi: Ông từ đâu có được? Đê-bà trả lời rằng: Tôi được kho vàng này từ dưới đất. Binh Tướng không tin được. Bấy giờ Đê-bà liền dẫn Binh Tướng đến nhà mình chỉ cho biết kho vàng ấy. Lúc bấy giờ Binh Tướng trông thấy một đồng than, nói với Đê-bà rằng: Sao ông nói dối vậy, nói với tôi chính là than, dùng làm tướng của vàng? Lúc ấy Đê-bà lại tiếp tục nói với Binh Tướng rằng: Đây thật là vàng ròng, chứ không phải là than củi đâu. Nhắc đi nhắc lại nhiều lần như vậy rồi, dùng tay chạm vào kho vàng ấy nói to cho biết rằng: Đây là vàng chứ không phải là than. Lại phát ra thề nguyện: Như lực nhân duyên thiện nghiệp của con cho nên có được số vàng này, cầu xin chỉ rõ cho Binh Tướng trông thấy. Nói như vậy rồi thì than hóa thành vàng, Binh Tướng trông thấy kho vàng nơi này rồi, lại hỏi: Nay ông cúng dường cho ai, là trời hay là Tiên, hay là những người tốt lành, mà họ ban cho ông nguyện báo như vậy? Đê-bà trả lời rằng: Vào hôm nay nhà tôi chỉ cúng dường một người, đó chính là Đại Sa môn, dâng cúng bữa cơm, cảm ứng nhờ vào công đức ấy mà quả báo được thành tựu. Binh Tướng trả lời rằng: Kho vàng này hết thảy đều do nhân duyên thiện nghiệp ấy mà sinh ra, quả báo này không có người nào có thể chiếm đoạt, không có người nào có thể cắt đứt được, ông đừng sanh lòng ngờ vực, yên ổn mà sử dụng.

Lúc bấy giờ Đê-bà dấy lên nghĩ như vậy: Nhờ cúng dường Đại Sa môn một bữa ăn mà phát sanh công đức to lớn. Tâm tư sanh niềm hoan hỷ, hăng hái vô cùng, khắp thân thể chan chứa vui mừng. Lại đi đến bên Đức Phật, tiếp tục thưa thỉnh Đức Phật đến nhà thọ nhận cúng dường. Sau khi Đức Phật đến, hai vợ chồng trải chỗ ngồi mà nghe pháp. Đức Phật biết tâm hành-thể tánh của vợ chồng họ đã gần sạch hết các kiết sử, thuyết cho họ nghe về Tứ Đế đạt được quả Tu-đà-hoàn.

Lúc ấy các Tỷ kheo liền thưa hỏi rằng: Đê-bà và vợ của mình, xưa kia làm thiện nghiệp gì mà cảm được quả báo này, lại đến bên cạnh Đức Phật đạt được những pháp thuộc bậc Thánh; lại tạo ra nghiệp gì mà trước nghèo sau giàu, chỉ trong một ngày như vậy? Đức Phật bảo với các Tỷ kheo: Xưa kia thọ ba pháp quy y-năm giới từ nơi Đức Phật Ca Diếp,

mà không thực hành bố thí, nay chính là Đê-bà. Nhưng lúc mạng chung xin phát nguyện, nguyện được gặp Ta. Vì nhân duyên này cho nên nay được gặp ta, vì không thực hành bố thí cho nên nay gặp quả báo nghèo túng. Thuận theo mang thức ăn bố thí cho Ta mà cảm được quả báo ở đời hiện tại. Vì nhân duyên này, các ông là những thế hệ Tỳ kheo, đều thuận theo thường xuyên cần phải hưởng về cạnh Phật-Pháp-tăng sanh tâm cung kính hiềm có, giống như Đê-bà thân hiện tại thọ nhận phước thiện. Vì tham lam keo kiệt không chịu bố thí, nay nhận chịu tai họa của đời sống nghèo hèn khổ sở.”

Tụng rằng:

*Có đạo nghĩa thì hội tụ,
Không có nghĩa thì chia ly,
Quẻ Ly không có tốt lành,
Phù hợp trở thành quy tắc.
Có công đáng được khen thưởng,
Không có công đáng sửa trị,
Đừng làm oan ức quá đáng,
Báo trả lại chẳng nghi ngờ.*

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra 13 chuyện: 1- Đỗ Quốc Chi Bá Thường thời Chu; 2- Tùy tùng của Vương Tế thời Hán; 3- Vũ Lâm trung lang Du Ân thời Hán; 4- Huyện lệnh Phú Dương là Vương Phạm thời Tấn; 5- Trương Tuấn thời Tấn; 6- Dương San thời Tấn; 7- Khổng Cơ thời Tấn; 8- Dữu Lượng thời Tấn; 9- Chân Tử thời Tề; 10- Văn Tuyên Đế Cao Tường thời Tề; 11- Lưu đại phu không biết tên thời Lương; 12- Vũ Đế Trần Bá Tiên thời Trần; 13- Vương Huyền Sách Hành Truyện Tây Vực Nghiệp Xưng thời Đường.

1. Thời nhà Chu có Đỗ Quốc Chi Bá tên gọi là Thường, là Đại phu của triều nhà Chu. Nàng hầu của Tuyên Vương tên gọi là Nữ Cửu, mong muốn thông dâm, Đỗ Bá không đồng ý, Nữ Cửu bèn tố cáo với Tuyên Vương rằng: Bá Thường trộm qua lại cưỡng bức thiếp. Tuyên Vương tin lời, bắt giam Đỗ bá vào ngục, sai Tiết Phủ và Tư Công Kì giết chết Đỗ Bá. Bạn của Đỗ Bá là Tả Nho nhiều lần can ngăn, mà Tuyên Vương không nghe. Tả Nho hết cách. Đỗ Bá đã chết, liền hiện làm người gặp Tuyên Vương nói: Bá Thường tội gì vậy? Tuyên Vương gọi họ Chúc mà đem lời của Đỗ Bá nói cho biết sự việc. Họ Chúc nói: Bắt đầu giết Đỗ Bá, ai bày mưu cho Tuyên Vương? Tuyên Vương nói: Tư Công Kì. Họ Chúc nói: Sao không giết Công Kì mà tạ lỗi? Tuyên

Vương bèn giết Công Kì, sai họ Chúc để tạ lỗi Đỗ Bá. Đỗ Bá vẫn còn hiện làm người mà đến, nói người ấy vô tội. Tư Công Kì lại hiện làm người mà đến nói rằng: Hạ thần có tội gì? Tuyên Vương bảo với Hoàng Phủ rằng: Họ Chúc cũng bày mưu cho Ta mà giết người, những người do ta giết lại đều hiện làm người mà trông thấy, nên làm thế nào vậy? Hoàng Phủ nói: Giết họ Chúc để tạ lỗi. Tuyên Vương bèn giết họ Chúc để cùng tạ lỗi vậy. Nhưng vô ích, đều hiện làm người mà đến, họ Chúc cũng nói: Tôi có biết gì đâu, tại sao lấy điều này làm tội, mà giết tôi vậy? Sau 3 năm dạo chơi ở chốn ruộng vườn, người đi theo đây đồng, giữa ba trưa Đỗ Bá cưỡi ngựa trắng mặc áo màu trắng, Tư Công Kì ở bên trái, họ Chúc ở bên phải, mặc áo đỏ-đội mũ đỏ, đứng ở bên trái đường đi, cầm cung đỏ-mũi tên đỏ bắn vào Tuyên Vương, trúng vào tim-gãy xương sống, nằm úp lên cung tên-áo quần mà chết.

2. Thời nhà Hán có tùy thúng của Vương Tế, đã từng ở trong đêm tối đến chỗ người hầu gái lấy áo quần đồ vật cho Vương Tế, người hầu gái muốn gian dâm, người ấy nói không dám. Người hầu gái nói: Nếu không thuận theo tôi, thì tôi sẽ la lớn. Người này cuối cùng không bằng lòng. Người hầu gái liền la lớn rằng: Người này muôn gian dâm tôi. Vương Tế lập tức sai người giết chết. Người này tự mình trình bày đầy đủ, Vương Tế hãy còn không tin, cho nên lúc dẫn đi, quay đầu lại nói với Vương Tế rằng: Oan uổng không thể chấp nhận, cần phải kiện đến Phủ quân ở trên trời. Sau đó Vương Tế mới mắc bệnh, bỗng nhiên thấy người này nói cho biết rằng: Trước kia trình bày đầy đủ sự thật, đã không nhìn thấy lý lẽ, thì nay phải ra đi. Mấy ngày sau Vương Tế chết.

3. Thời nhà Hán có Du Ân tự là Ấu Tề, làm tướng Vũ lâm trung lang thời nhà Hán, trước đó cùng với Hồ Chấn làm chức Tư lệ hiệu út có hiềm khích. Hồ Chấn liền đặt điều vu cáo giết chết. Du Ân chết hơn tháng, Hồ Chấn mắc bệnh con mắt lồi ra, chỉ nói nhận tội. Du Ân tề dẫn quỷ đến, ngay sau đó liền chết.

4. Thời nhà Tấn có Vương Phạm là huyện lệnh Phú Dương, có người thiếp tên là Đào Anh, có dung mạo rất xinh xắn, liền cùng với hai người là Cáp Hạ Đình Phong-Sử Hoa Kỳ gian dâm với nhau. Vương Phạm đã từng đi ra ngoài không trở về trong trường, Đô đốc Tôn Nguyệt nghe trong nhà Đình Phong có tiếng vòng xuyên chạm nhau, nhìn xem thì thấy Đào Anh và Đình Phong chung chăn mà nằm, Nguyên Bật gõ cửa quát mắng, Đào Anh liền đứng dậy, kéo váy, sửa lại tóc-rón rén bước chân trở về trong trường. Nguyên Bật lại trông thấy dây đeo đai

áo của Hoa Kỳ và xạ hương của Đào Anh, hai người sợ Nguyên Bật tố cáo, bèn cùng nhau vu cáo Nguyên Bật và Đào Anh có thông dâm với nhau. Vương Phạm không suy xét rõ ràng, liền giết chết Nguyên Bật. Có Trần Siêu, lúc ấy có mặt, khuyên kết thành tội của Nguyên Bật. Sau đó Vương Phạm trở về thay thế địa vị, Trần Siêu cũng ra ngoài đô thành xem xét thay Vương Phạm, đi đến dưới núi Xích Đình thì gặp đông tố, ngày tối bỗng nhiên có người xố nách Trần Siêu kéo thẳng mang đi vào trong đầm hoang. Chớp lóe sáng chiếu rọi trông thấy một con quỷ, mặt mày xanh đen, mắt không có con ngươi, nói Ta là Tôn Nguyên Bật, tố cáo nổi oan với Hoàng Thiên, sớm được lý giải rõ ràng, suốt thời gian qua chờ đợi ông, nay mới gặp nhau. Trần Siêu rập đầu chảy máu, quỷ nói: Vương Phạm đã làm người chủ, sẽ bị giết chết trước; Giả Cảnh Bá-Tôn Văn Độ, ở dưới Thái Sơn Huyền Đường, cùng quyết định ghi tên vào sổ sanh tử; hồn phách của Đào Anh cũng thu vào ở Nữ Thanh Đình, là tên gọi của địa ngục thứ ba, ở dưới Hoàng Tuyền chuyên trừng trị nữ quỷ. Trước khi đến trời sáng thì quỷ không còn ở chỗ đó, Trần Siêu đến Dương Đô thăm viếng Vương Phạm, không dám nói sự tình, thì thấy quỷ từ bên ngoài xuất hiện đi thẳng vào trướng của Vương Phạm. Đến đêm Vương Phạm vừa mới ngủ, bỗng nhiên bị bóng đèn nặng gọi mãi không tỉnh, người nhà dắt trâu xanh đến phía trước Vương Phạm, và thêm Đào Anh ở bên trái, gần sáng hơi tỉnh lại, hơn 10 ngày sau mà chết, người thiếp cũng đột ngột qua đời. Trần Siêu cũng chạy trốn trong nhà chùa Trường Can, thay đổi họ tên là Hà Quy. Năm năm sau vào ngày mồng 3 tháng 3 đứng trước sân uống rượu say, Trần Siêu nói: Nay sẽ không còn sợ con quỷ này nữa. Cúi đầu nhìn thì thấy hình ảnh của quỷ đã ở trong nước, đưa tay tóm đánh Trần Siêu, máu mũi chảy ào ra, khoảng hơn một tháng, mấy ngày sau mà chết.

5. Thời nhà Tấn có Trương Tuấn chiếm cứ vùng Lương Châu, ghen ghét làm hại Tướng quân Vũ Uy Âm Giám đứng đầu ba quân, bởi vì họ tộc ấy hùng mạnh mà lại nhiều công lao. Liền nói bóng gió với người chịu trách nhiệm sổ sách là Ngụy Soạn, khiến vu cáo Âm Giám mưu phản. Trương Tuấn bức bách Âm Giám tự sát. Sau 3 năm Ngụy Soạn mắc bệnh, thấy Âm Giám ở bên cạnh liền chết.

6. Thời nhà Tấn có Dương San, tự là Ý Bành Tổ, làm Thái thú Lư Lăng thời nhà Tấn, là người ngang ngạnh hà khắc thô bạo, cậy thế quan hệ thông gia với quốc chủ mà mặc ý ngang ngược thái quá, hiềm khích ai điều gì thì khếp vào hình phạt phải giết chết. Đại tướng quân đánh dẹp phía tây là Dữu Lượng chuyển giao tù nhân, đem tất cả tình

trạng nghe thấy, có quan lại râu bầy, Dương San giết tướng sĩ-quan lại và dân chúng cùng Giản Lương Đăng ở quận là hai trăm chín mươi người, người bị đày đi nơi khác hơn một trăm người, cần phải chém đầu bêu chi, dựa vào tám đề nghị cầu xin tha thứ.” Hiển Tông ban chiếu nói: “Việc này xưa nay chưa hề có, điều này mà có thể nén chịu đựng thì còn cái gì không thể chịu được, đâu có 8 đề nghị, có thể giam vào ngục mà ban cho tính mạng.” Anh của Dương San là Tử Bôn, trước kia hãy còn Công chúa Nam Quận, tự dâng biểu từ bỏ kết hôn, ban chiếu không chấp nhận. Lang Gia Hiếu Vương, cháu trai của Dương San là con của bà Phi họ Sơn, hết sức để cầu xin giúp, thế là Tư Đồ Vương Tuân kể tội Dương San không thể tha thứ mà nên dùng biện pháp nặng nhất. Sơn Thái Phi ưu sầu cảm động thành bệnh, ân của Bệ hạ không gì cao hơn, nên được tha thứ giữ vạn mạng sống. Ngay sau đó ban chiếu nói rằng: “Sơn Thái Phi chỉ vì một người cậu này nói năng ngang ngược, thậm chí nôn ra máu, vì nghĩ tình sâu nặng. Trẫm gặp phải cảnh tàn hại, thọ ân nuôi nấng của Thái Phi, giống như người mẹ hiền, nếu không chịu nổi căn bệnh khó chịu đựng, mà dẫn đến tai họa bất ngờ, thì Trẫm cũng mặt mũi nào để nương nhờ. Nay quyết định tha mạng sống cho Dương San, để an ủi Thái Phi gọi là đền ân nuôi dưỡng.” Thế là xóa tên làm dân thường, không lâu sau thì mắc bệnh, thường trông thấy Giản Lương Đăng nói: Oan ức há chấp nhận được sao, nay đến tìm nhau, tự nói rõ dưới suối vàng. Trải qua đêm mà chết.

7. Thời nhà Tấn có Khổng Cơ ở vùng Cối Kê, chịu khó học hành có chí khí tiết tháo, người trong họ đều nhờ cậy, Khổng tề Tề khiến hai con trai của mình lấy Khổng Cơ làm thầy, mà con của Tề tề đều hung dữ thấp hèn, chí hướng và hứng thú còn không giống nhau. Khổng Cơ nhiều lần nói cho Tề tề biết, những đứa con của tề tề thường có biểu hiện cảm giận. Sau đó Tề tề qua đời, tang chế đã trừ, Khổng Cơ vì bạn cũ xưa kia mới ôm bình rượu đi đến thăm hỏi chuyện trò với con của Tề tề. Con của Tề tề hãy còn ôm mối oán hận trước kia, bí mật sai tôi tớ ở bên đường chờ giết chết Khổng Cơ. Tôi tớ trở về chưa đến nơi, nhưng không thấy Khổng Cơ xuất hiện, mở to mắt xắn ống tay áo, nghiêm giọng nói rằng: Gian trá xấu xa hèn mọn đáng khinh, tiểu nhân mặt người dạ thú, ta đến thăm viếng còn chân thành biểu bình rượu cất giấu xưa kia, từ trước đến nay có gì oán hận xấu xa mà chờ bên đường để làm hại, đồ khinh trời quên cha, người- thần không tha thứ, cần phải làm cho dòng dõi nhà ông đoạn tuyệt. Từ đó về sau nhiều lần trông thấy hiện hình, họ Khổng chẳng có mấy người, con trai đầu đi đến nhà

xí bỗng nhiên mà cười ngất, Lạc Dịch đến xem thì đã chết ở dưới đất. Người con trai thứ không bao lâu lại mắc bệnh mà chết. Anh em không con không cháu.

8. Thời nhà Tấn có Dữu Lượng chém đầu Đào Xưng. Sau vào tiết Đông Chí năm thứ 5 thời Tấn Hàm Khang, văn võ bá quan tụ hội gồm mấy mươi người, bỗng nhiên đều đứng dậy hướng về bắc thêm vái chào, Dữu Lượng kinh ngạc mà hỏi, mọi người cùng nói: Đào Công đến. Đào Công là Xưng Phụ Phẩm vậy. Dữu Lượng cũng đứng dậy đón tiếp. Đào Công dựa vào hai người, đều là đã từng có oán thù, truyền lệnh cho mấy chục người tùy tùng đều cầm giáo cúi đầu. Đào Công nói với Dữu Lượng rằng: Lão già này đưa ông lên thay thế mình, không ngờ ân này lại chết kẻ đờn độc, vì vậy đến hỏi nhau, Đào Xưng tội gì, tự mình đã có thể kiện đến nhà vua rồi. Dữu Lượng không nói được một lời, liền mắc bệnh mà chết vào ngày mồng 1 năm tấn Hàm Khang thứ 8.

(Tám chuyện trên đây trích trong Oan Hồn Chí.)

9. Thời nhà Tề có Chân Tử Dung. Thời nhà Tề đã từng là người cố gắng mở mang đường xá hiểm trở thuộc huyện Tĩnh Hình, tiền của đưa hối lộ rất nhiều, bị người ta bắt trói. Tề chử muốn dùng hành pháp, ý quyết định trừng trị đến cùng, bèn giao cho Cục than quân sự ở thành Tĩnh Châu là Thôi Viện và Trung thư xá nhân Thái Huy, cùng kiểm tra vụ án ấy. Nhưng việc làm của Tử Dung đều do trước kia đã tha, Thôi Viện và Thái Huy xem chừng ý cấp trên mà tha cho. Nhưng lúc Tử Dung sắp bị tử hình, kể rõ oan khuất mọi bề, đã không thấy quan tâm, bèn thề rằng: Nếu những kẻ này yên ổn tốt lành, thì thật là không có đạo trời. Sau 15 ngày hành pháp, Thôi Viện không bệnh tật gì mà đột ngột chết. Trải qua khoảng chừng một năm, Thái Huy bệnh nằm liệt giường, da thịt nát rữa, cũng khổ sở vô cùng, hơn một trăm ngày mới chết.

10. Thời nhà Tề, Văn Tuyên Đế Cao Tường đã chết, Thái Tử Ân nối ngôi, niên hiệu là Càn Minh. Em cùng mẹ với Văn Tuyên là Thường Sơn Vương Diễn, trước kia ở Tích Châu quyền thế rất lớn, dựa vào Văn Tuyên mà Thường Sơn ra ngoài tham gia với Tỳ Tử Cung, đến vùng nghiệp lấy đất xem thấy nghi ngờ, vẫn lưu tâm để ghi lại việc làm của Thượng Thư. Vương Diễn liền phẫn nộ, bí mật tìm cách khác. Đến tỉnh thành nói: Quan lại trong ngoài đều đến tập trung. Lập tức bắt trói Thượng thư là người tâm phúc của Càn Minh, khiến Dương Tuân Ngạn cùng với năm người, đều làm tấu văn thuật lại sự việc để chém đầu. Không bao lâu cũng phế truất Càn Minh mà tự lên ngôi vua, chính là Hiếu Chiêu Đế. Sau ở Tĩnh Châu, người xem vận khí tâu

rằng giữa vùng Nghiệp có vận khí Thiên tử. Bình Tần Vương Cao Quy Ngạn khuyên nên giết Càn Minh, liền xiềng chặt đem đến Tịch Châu mà giết. Năm ấy Hiếu Chiêu nhiều lần trông thấy Văn Tuyên, gây ra những điều yêu quái, đến đòi con trai của mình. Bùa yểm cầu khẩn đủ cách, cuối cùng không thể nào xua đuổi được mà chết.

11. Thời nhà Lương vùng Giang Lăng bị đánh chiếm, có người ở vùng Quan Nội bị Lương Nguyên Huy bắt làm tù binh, là một Sĩ đại phu họ Lưu, ở thành Nhật Tân nhưng quên mất tên gì. Trước kia người này đã từng gặp phai loạn hầu Cảnh, người trong nhà chết hết, chgỉ còn lại đứa con trai nhỏ năm ấy mới mấy tuổi, tự mình chăm sóc nuôi nấng, còn mang theo gông cùm giềng xích, gặp lúc tuyết rơi trơn trượt không thể nào tiến lên phía trước. Nguyên Huy bức bách khiến vứt bỏ đứa bé người họ Lưu luyến tiếc coi trọng lấy cái chết để cầu xin, lập tức cưỡng bức đoạt lấy đứa bé ném vào trong tuyết, gây đánh tới tấp đằng sau ép buộc chân cà nhắc khiến phải đi. Người họ Lưu bèn từng bước quay đầu lại kêu gào tuyệt vọng, vất vả mệt nhọc vô cùng, lại vì bị thương chỉ mấy ngày mà chết. Sau khi chết, ngày ngày Nguyên Huy trông thấy người họ Lưu kéo tay đòi lại con mình. Vì vậy mắc bệnh, cho dù chính mình hưởng về ân hận nhận lỗi, mà vẫn đến mãi không thôi. Nguyên Huy mang bệnh, về đến nhà mà chết.

12. Trần Vũ Đế là Trần Bá Tiên, đã hại Đại tư mã nhà Lương là Vương Tăng Biện, sau đó đánh dẹp các tướng. Thái thú vùng Nghĩa Hưng là Vi Tải, con trai thứ 4 của Hoàng môn Lang Phóng, vì vương công mà cố thủ. Trần chủ nhiều lần sai tấn công bao vây nhưng không làm gì được. Sau tiếp tục chinh phạt, tìm cách khuyến dụ Vi Tải rằng: Đồng bọn thân thích của Vương công đều đã bị tiêu diệt, một khu thành đơn độc này có gì mà mong đợi, chống đỡ hơn nhau được chăng, nếu có thể chuyển sang đầu hàng thì không mất hết giàu sang đâu! Vi Tải đáp rằng: Binh sĩ đều biết đã vốn là Vương công, vì lẽ đó chống lại Đại quân thì trở thành thù địch, nay cũng kế thừa Vương Công Quốc chúa ra sức giữ vững Giang tả, tự giữ thành quách đến cùng chắc chắn không còn đường sống, nhưng dao nhọn đan nhau dày đặc sát thương quá đáng, binh lính phần nộ sợ không được toàn mạng, mẹ già ở quê càng sợ tai họa xảy ra, cho nên cố gắng kéo dài ngày tháng, chưa có thể bó tay mà thôi, nhất định phải có thể ước không dám làm phiền uy vũ thần thánh lâu ngày. Trần chủ bèn sai giết ngựa trắng để thề ước. Vi Tải liền mở cổng thành, Trần chủ cũng bày tỏ sự rộng lượng xác tín. Sau khi trở về Dương Đô, Trần chủ lên ngôi, phái Vi Tải theo quân tội đi đánh dẹp.

Bởi vì chậm chạp một lúc, mượn cố trước đây thất vọng mà chém đầu. Lát sau ở tại Đại điện xem xét công việc, thì trông thấy Vi Tả xuất hiện, kinh hãi đứng dậy đi vào bên trong, dời đến ngồi trong điện Quang Nghiêm thì Vi Tả lại đi theo vào, quay lại hỏi tỳ tỳ, mọi người đều không hề thấy gì. Vì vậy mắc bệnh mà chết.

(Bốn chuyện trên đây trích trong Minh Tường Ký).

13. Trong Đường Vương Huyền Sách Hành Truyện nói: Pháp luật của nước Ma-già-đà, nếu người phạm tội, không sử dụng tra khảo đánh đập, chỉ dùng cái cân thần linh để cân. Cách cân người, lấy vật và người nặng nhẹ tương tự, đặt ở một đầu cái cân, người ở một đầu, hai đầu cái cân ngang bằng, thì lại làm một lá bùa, cũng dùng vật khác, cân biết sự nặng nhẹ ấy, liền lấy lá bùa dán trên đỉnh đầu người phạm tội. Dùng vật đã cân khác cộng thêm vật trước đó, nếu người vô tội thì cân ở đầu vật sẽ nặng, nếu người có tội thì cân ở đầu vật nhẹ hơn. Căn cứ vào sự nặng nhẹ này dùng thiện-ác mà xét định tội lỗi. Khoét mắt-cắt cổ tay, chặt tay, chặt chân, xét theo phạm nặng hay nhẹ, để tiến hành xử phạt tội lỗi của họ. Nếu những loại tội lỗi nhỏ như mắc nợ..., thì cũng xích hai chân để thực hiện đúng nghĩa phạt tội.

